

BENJAMIN FRANKLIN

(1706 - 1790)

NHÀ LẬP QUỐC HOA KỲ

Phạm Văn Tuấn

Benjamin Franklin là một trong các nhân vật hàng đầu đã xây dựng nên Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Ông là người duy nhất đã ký tên vào 4 văn kiện quan trọng trong Lịch Sử Mỹ Quốc, đó là Bản Tuyên Ngôn Độc Lập, Hiệp ước Đồng Minh với Pháp, Hiệp Ước Hòa Bình với Anh và Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Benjamin Franklin là một nhân vật đa diện. Ông đã từng làm thợ nấu xà bông, nấu nển, thợ in, nhà văn, nhà xuất bản, nhà khoa học và phát minh, nhân vật tổ chức và lãnh đạo cộng đồng... và cũng là một nhà ngoại giao có tài. Các phục vụ của ông trong công tác ngoại giao tại nước Pháp đã giúp ích rất nhiều trong cuộc chiến tranh giành Độc Lập của Hoa Kỳ. Nhiều sử gia Hoa Kỳ đã coi ông là nhà ngoại giao có khả năng nhất và thành công nhất từ xưa tới nay.

1- Thuở thiếu thời.

Benjamin Franklin sinh ngày 17 tháng 1 năm 1706 tại Boston, Massachusetts. Cậu là con trai thứ 15 và là út trong một gia đình 17 anh em. Tổ tiên của Benjamin sinh sống tại Anh Quốc và không thuộc một giòng họ danh tiếng. Các cụ làm nghề thợ rèn, song là những người thực thà, cần mẫn. Trong giòng họ này chỉ có

cha của Benjamin, ông Josiah, sang lập nghiệp bên Mỹ Châu.

Ông Josiah có với người vợ trước 5 người con và người vợ sau 12. Ông cũng là con út trong gia đình và vì rất mến người anh ruột tên là Benjamin mà ông đặt cho con trai út của mình cái tên đó. Gia đình ông Josiah không được sung túc lắm nên các con của ông chỉ được theo đuổi việc học trong 2 hay 3 năm rồi kiếm một nghề tay chân. Ông cho các con làm các ngành nghề khác nhau, tùy theo sở thích và năng khiếu của từng đứa: thợ in, thợ nhuộm, thợ rèn...



Benjamin Franklin biết đọc, biết viết rất sớm, vì vậy ông Josiah định cho cậu sau này làm mục sư. Ở trường tiểu học, Benjamin học rất thông minh, tiến dần tới đầu lớp nhưng khi lên bậc trung học, vì tốn kém quá, ông Josiah đành cho con đến học tư toán và văn chương tại nhà ông Brownell song cậu Benjamin lại khá về văn chương mà kém về môn Toán.

Năm 1716, vì nghề nhuộm ế ẩm, ông Josiah phải đổi sang nghề làm nển và nấu xà bông. Benjamin phải thôi học, ở nhà giúp cha. Công việc của cậu là cắt bắc, đồ sáp vào khuôn, mua bán lật vật hay trông coi cửa hàng thay cha khi người bận việc.

Ngoài thời giờ giúp việc tại nhà, Benjamin thường hay chơi đùa cùng các bạn : nào bơi lội,

nào chèo thuyền. Cậu không thích nghề nghiệp của cha mà mơ mộng trở thành thủy thủ song ông Josiah không bằng lòng cho con theo đuổi ngành này. Thấy con đã lớn mà còn lóng bồng, nên ông có ý tìm cho con một nghề kiếm ăn thích hợp. Ông đưa con đi thăm các cơ xưởng trong tỉnh để xem con ưa thích ngành nghề nào nhất.

Ngay từ thuở nhỏ, Benjamin đã thích đọc sách. Hễ gặp quyển sách nào là cậu nghiêm ngắc say sưa, hễ được đồng tiền nào là cậu để dành rồi mua sách về đọc. Thấy con ưa thích sách như vậy, ông Josiah cho con theo học nghề in tuy rằng trong nhà đã có người con lớn, anh James, theo đuổi nghề này.

Năm 12 tuổi, Benjamin ký giao kèo với anh James nhận làm thợ in cho tới năm 21 tuổi mà không lãnh lương thực thụ. Một người tinh nhanh, chăm chỉ như Benjamin thì chẳng bao lâu đã thạo việc. Thực vậy, cậu đã giúp anh một cách đắc lực. Cũng nhờ theo nghề in này mà Benjamin đọc được nhiều sách hơn: các sách đưa đến in, đến đóng lại, cậu đều đọc qua, có khi cậu thức suốt đêm để đọc nốt vì sáng ngày mai đã phải trả sách lại cho khách hàng. Cậu đã tự học được nhiều môn như đại số, hình học, văn phạm, luận lý, các môn vật lý và khoa học tự nhiên.

Một hôm, có một nhà buôn trong tỉnh lại thăm nhà in. Ông này thấy Benjamin ham mê đọc sách mà mình có sách thường để không, nên đã dẫn Benjamin về nhà mình và cho phép cậu mượn bất cứ quyển nào cậu muốn. Nhờ nghề in mà Benjamin đọc thông viết thạo hơn, song cậu còn kém về cách hành văn và từ ngữ không được dồi dào. Để sửa chữa, cậu nghĩ tới việc làm thơ. Anh James cũng khuyến khích em vì anh ta nghĩ có thể in thơ rồi đem bán được. Vì vậy vài ba quyển thơ cũng ra đời song cha cậu đã chế nhạo cậu vì ông biết rằng nghề làm thơ chỉ mang lại nghèo túng mà thôi.

Benjamin thường cùng với một người bạn cũng ham đọc sách, tranh luận về bất cứ đề tài nào. Lúc đầu, họ còn dè dặt, sau dè dặt chữ viết, nhờ vậy cậu thấy mình còn kém về phương pháp và lý luận còn thiếu minh bạch.

Năm 1721, anh James bắt đầu ra một tờ báo lấy tên là The New England Courant (Bản Tin Tân Anh Cát Lợi). Đây là tờ báo thứ nhì phát hành tại châu Mỹ. Vào thời đó, các nhà trí thức thường viết các bài báo song ký tên khác đi vì sợ chính quyền làm khó dễ. Nhiều người có tài đã gửi các bài viết rất hay, làm tăng giá trị cho tờ báo.

Benjamin cũng muốn viết báo song e ngại rằng nếu ký tên thật, anh James sẽ vứt ngay bài vào sọt rác, cậu bèn viết với tên hiệu là "Silence Dogood" rồi đợi đến đêm, ném bài qua khe cửa sổ nhà in. Sáng hôm sau, anh James nhận được bài, đọc thấy cũng khá đặc sắc nên cho in. Nhiều khi Benjamin còn được nghe anh và các bạn ca tụng các bài viết đó trước mặt mình. Họ tin chắc rằng các bài viết đó phải do một người học rộng, tài ba, mới viết nổi. Benjamin vẫn phải bầm bụng nhin cười. Sau cùng, vì không giữ bí mật được nữa, cậu đành phải thú nhận mình là tác giả của các bài viết trên. Kể từ khi đó, các bạn của cậu trọng nể cậu hơn trước song anh James lại lấy làm khó chịu. Anh thường bắt em làm việc quá nhiều, có khi còn đánh đập em nữa. Vì vậy giữa anh em thường xảy ra các vụ bất hòa. Anh James quả là một người anh bất nạt em, một người chủ áp bức thợ.

Năm 16 tuổi, Benjamin được đọc một cuốn sách nói về sự ăn chay. Cậu liền quyết định theo đuổi cách dinh dưỡng này rồi đề nghị với anh xin một số tiền để nấu ăn lấy. Nhờ chỉ ăn rau, Benjamin đã để dành được phân nửa món tiền, đỡ mất thời giờ về ăn uống mà trí óc lại sáng suốt hơn trước. Thực vậy, trong khi anh James và các bạn ra quán ăn thì ở nhà, cậu thổi nấu ăn

uống theo ý muốn và đọc được mấy chục trang sách rồi bọn kia mới bắt đầu ra về.

Năm 1723, tờ báo của anh James có đăng một bài xã luận xúc phạm đến chính quyền nên anh James bị bắt giam một tháng. Benjamin thay anh làm quản lý nhà in. Khi được tha về và vì bị cấm không được ra báo nữa, anh James đành phải nhờ em làm chủ nhiệm tờ báo. Vì luật pháp thời đó không cho phép một người làm công chịu trách nhiệm một công việc to tát như vậy nên anh James đành phải hủy bỏ tờ giao kèo bắt buộc Benjamin làm công với mình khi trước.

Ít lâu sau, một cuộc xung đột xảy ra và Benjamin đã bỏ nhà ra đi. Về sau cậu hỏi hận mãi về điều này. Anh James liền thông báo cho các in trong tỉnh đừng mướn Benjamin. Vì vậy cậu phải đi New York là nơi có nhiều nhà in mà lại ở gần Boston nhất. Cậu Benjamin phải bán bớt sách để lấy tiền đi đường, lúc đó cậu mới 17 tuổi. Tới New York, Benjamin không tìm ra việc nhưng nhờ có người giới thiệu, cậu lại đi Philadelphia cách New York 160 cây số. Đây là thành phố lớn nhất của thuộc địa châu Mỹ thời bấy giờ. Đến nơi, cậu Benjamin vào ngay một hiệu bánh mì trên đường Market mua ba ổ bánh, mỗi ổ kẹp ở một nách rồi ăn ngấu nghiến ổ thứ ba. Một cô gái ở ngôi nhà đối cửa khi trông thấy cảnh đó, đã ôm bụng cười. Cô này tên là Deborah Read, vợ của Benjamin sau này.

Tại Philadelphia, Benjamin tìm được việc làm nơi nhà in của ông Samuel Keimer. Ít lâu sau, cậu quen được ông thống đốc Keith. Thấy cậu là người học rộng, ông Keith muốn giúp Benjamin làm chủ một nhà in. Ông ta bảo cậu kê khai các thứ cần mua rồi ông ta sẽ bỏ tiền và Benjamin sang Anh Quốc mua sắm các dụng cụ đó. Song ông Keith chỉ là người hứa suông, nên khi đã sang tới nước Anh rồi, cậu chẳng nhận được sự giúp đỡ nào cả, ngay cả bức thư giới

thiệu. Benjamin đành phải làm công cho các nhà in Palmer và Watt.

2- Thời thanh niên.

Năm 21 tuổi, Benjamin trở về Philadelphia và lại giúp việc cho ông Keimer. Từ đây, Franklin đã trở nên một chàng thanh niên khôn ngoan, tháo vát. Việc đọc sách vẫn là sở thích của chàng. Franklin nghĩ rằng nếu riêng rẽ thì một người chỉ có thể đọc được một số sách. Vậy nếu một số người hiếu học họp lại với nhau, trao đổi sách báo và thảo luận cùng nhau thì sẽ có lợi biết bao. Chàng liền lập ra Câu Lạc Bộ Junto để các hội viên thay nhau thuyết trình về các vấn đề luân lý, chính trị và khoa học. Lúc đầu câu lạc bộ gồm 7 hay 8 hội viên hay đọc sách, họp với nhau vào chiều thứ sáu để thảo luận về các vấn đề đã nêu ra từ tuần lễ trước. Nhờ việc thảo luận này mà các hội viên đều tiến bộ về cách nói năng và sự nghiên cứu. Hơn nữa, cứ ba tháng mỗi hội viên lại phải sáng tác một luận án về bất cứ vấn đề gì. Câu Lạc Bộ Junto này đã nổi tiếng trong thành phố thời bấy giờ.

Năm 22 tuổi Franklin thôi không làm cho ông Keimer nữa mà mở một nhà in riêng với Hugh Meridith. Lúc đầu công việc còn ít song chàng cố gắng làm việc và yêu nghề, thức khuya dậy sớm, không bao giờ la cà tại các tửu quán nhờ vậy dân chúng tín nhiệm và các công việc thương mại càng tăng hơn.

Hồi đó giấy bạc khan hiếm, người ta e ngại nếu in thêm, đồng tiền sẽ mất giá còn nếu không in thì tình trạng kinh tế không được phát triển. Franklin liền mang việc này ra bàn với các hội viên Junto rồi chàng cho in một cuốn sách nhan đề là "Tính chất và sự cần thiết của giấy bạc". Việc làm này đã khiến cho Nghị Viện thành phố quyết định in thêm tiền và họ giao cho Franklin công việc đó vì chàng đã có công đóng góp. Nhờ thế mà nhà in của chàng có thêm việc làm.

Năm 24 tuổi, Franklin cưới cô Deborah Read, người đã cười chàng khi trông thấy chàng gặm ổ bánh mì lúc bắt đầu đặt chân tới Philadelphia. Deborah là người ít học song cặp vợ chồng Franklin là những người tận tụy làm việc. Họ có 3 con, 2 trai và 1 gái. Một người con trai tên là William, sau này trở nên Thống Đốc của tiểu bang New Jersey.

Franklin thấy rằng khi tra cứu thì cần phải có nhiều sách mà mỗi người chỉ có một số nhỏ. Vậy nếu các hội viên Hội Junto cùng mang sách đặt tại một nơi thì người nọ có thể đọc được sách của người kia và sự tra cứu sẽ dễ dàng hơn. Các hội viên đều nghe lời đề nghị này của Franklin. Việc này rất có lợi song cũng có điều bất tiện, chẳng hạn như ai cũng đòi hỏi người khác giữ gìn sách của mình cho cẩn thận nên một năm sau, Hội Junto phải giải tán tủ sách.

Franklin lại nghĩ đến việc lập một thư viện công cộng cho mượn sách. Chàng nhờ một viên chương khế thảo điều lệ. Hội viên có tới 100 người. Số tiền đóng góp của các hội viên dùng để mua sách bên nước Anh. Đây là thư viện đầu tiên tại Bắc Mỹ, nó đã mở đầu cho phong trào thư viện sau này. Chính nhờ có thư viện mà dân xứ Philadelphia thời đó có một trình độ văn hóa cao hơn dân của các vùng kế cận. Vì thế các miền chung quanh chẳng bao lâu cũng bắt chước làm công việc ích lợi kể trên.

Franklin tin rằng chăm chỉ bao giờ cũng vẫn là phương thuốc để trở nên giàu sang. Chàng cho rằng một người muốn thành công phải làm việc chăm chỉ hơn những kẻ đang cạnh tranh với mình. Chàng lại có ước vọng muốn trở nên một nhà đạo đức, muốn khắc phục mọi thói xấu để sống một cuộc đời trong sạch. Chàng thấy rằng tin tưởng suông vào đạo lý chưa đủ để giữ cho khỏi sa ngã, cần phải luyện tập các đức tính, xếp chúng theo thứ tự rồi thêm vào đó các

định nghĩa để làm sáng tỏ các quan niệm về các đức tính đó:

1- Điều độ: không ăn đến chán, không uống đến say.

2- Yên lặng: không nói nếu lời nói không hữu ích cho người khác hoặc cho bản thân. Không nói dõn dột.

3- Thứ tự: xếp đặt mọi vật vào một chỗ riêng, các việc làm vào những thời giờ nhất định.

4- Quyết tâm: phải quyết tâm làm những việc cần. Việc gì đã quyết tâm rồi thì phải làm cho kỳ được.

5- Tiết kiệm: chỉ tiêu tiền về những việc có ích cho mình và cho người khác.

6- Chuyên cần: không bỏ phí thời giờ, lúc nào cũng làm việc hữu ích.

7- Thật thà: phải nói cho đúng, không nói xấu người, có những ý nghĩ lành mạnh.

8- Công bằng: không làm hại người khác và nhớ hưởng những gì mình đáng được hưởng.

9- Dung hòa: tránh mọi thái cực, chịu đựng những điều trách mắng nếu mình có lỗi.

10- Sạch sẽ: thân thể, quần áo và nhà cửa phải sạch sẽ.

11- Yên tĩnh: tránh ưu phiền về các việc thường xảy ra hay không thể tránh được.

12- Trong sạch: tránh trác táng, hại sức khỏe, hại thanh danh của mình và của người khác.

13- Khiêm tốn: noi gương Chúa Jesus và Socrates.

Chính nhờ cách sửa mình này mà về sau, Benjamin Franklin đã trở nên một người khôn ngoan và đạo đức của Hoa Kỳ.

Năm 26 tuổi, Franklin thấy rằng cần phải phổ biến các tư tưởng hướng thiện, chàng liền soạn rồi cho xuất bản cuốn Niên Lịch lấy tên là "Niên Lịch của Richard nghèo khó" (Poor Richard's Almanach). Trong cuốn này, chàng đặt những tư tưởng cao thượng và ích lợi thành các châm ngôn để người đọc dễ nhớ hơn. Ngày nay

các câu châm ngôn này còn được phổ thông chẳng hạn như câu "ngủ sớm, dậy sớm làm cho con người khỏe mạnh, giàu có và khôn ngoan" (Early to bed and early to rise makes a man healthy, wealthy and wise). Mọi người đã tán thưởng cuốn niên lịch đến nỗi 10 ngàn cuốn được xuất bản trong một năm và cứ thế kéo dài trong 25 năm liền, quả là một sự việc hi hữu tại một nơi và vào một thời kỳ mà tình trạng dân chúng còn kém mở mang.

Cũng vào năm 26 tuổi, chàng Franklin lập ra tờ báo lấy tên là Nhật Báo Philadelphia (the Philadelphia Gazette). Chàng đã làm phát triển tờ báo thành một trong các báo thành công nhất tại thuộc địa châu Mỹ. Chàng luôn luôn chú ý đến tư tưởng mới. Các sử gia Hoa Kỳ cho rằng Franklin là viên chủ nhiệm đầu tiên tại châu Mỹ đã cho phổ biến trên các trang báo những mẫu tranh hí họa và hướng dẫn các tin tức bằng bản đồ. Nhờ tờ báo của mình, Franklin đã trình bày cho dân chúng biết rõ nhiều dự án cải tiến công ích. Tờ báo Philadelphia đã sống được từ năm 1729 tới năm 1766. Franklin lại còn soạn thêm cuốn sách "Con đường dẫn tới giàu sang" (the Way to Wealth). Cuốn sách này cũng có một giá trị đặc biệt về kinh tế.

Năm 27 tuổi, Franklin cảm thấy cần phải biết thêm ngoại ngữ để dễ thông cảm với các dân tộc khác. Chàng liền bắt đầu học tiếng Pháp và chẳng bao lâu đã nói thạo và đọc sách tiếng Pháp một cách dễ dàng. Học xong tiếng Pháp rồi, chàng quay sang học tiếng Ý. Ít lâu sau, Franklin lại học tiếng Tây Ban Nha và rồi cũng thông thạo thứ ngôn ngữ này.

Năm 30 tuổi, nhờ sự hiểu biết của bản thân, nhờ sự tín nhiệm của mọi người, Franklin được bầu làm thư ký Nghị Viện Pennsylvania (the Pennsylvania Assembly). Thành phố Philadelphia càng ngày càng được mở mang mà chưa có một đội lính cứu hỏa, Franklin liền đứng ra thành lập

đội quân tình nguyện này. Ông còn có công trong việc cải tiến cách tuần phòng trong thành phố.

Cũng vào năm 30 tuổi, Franklin được đề cử làm Giám Đốc Bưu Điện của Philadelphia. Cách làm việc hữu hiệu của ông đã khiến cho chính quyền Anh Quốc phải chú ý nên về sau, vào năm 1753, ông đã trở nên Phó Tổng Giám Đốc Bưu Điện của tất cả các miền đất thuộc địa Bắc Mỹ. Ông đã làm việc rất tận tâm, cải tiến rất nhiều dịch vụ Bưu Điện, làm tăng tốc độ chuyển thư bằng cách dùng tới các tàu biển chạy nhanh nhất qua Đại Tây Dương. Đối với các thư từ trong vùng, ông đã thuê mượn các người đưa thư đi ngựa chuyển thư cả ngày lẫn đêm. Ông cũng giúp cho xứ Canada thiết lập ra các dịch vụ bưu điện đầu tiên. Ông đã cho mở các trạm bưu điện tại Quebec, Montreal và Trois Rivière vào năm 1763 và rồi xếp đặt việc chuyển thư giữa Montreal và New York.

Benjamin Franklin cũng để ý tới sự cải tiến các dụng cụ thường dùng. Năm 36 tuổi, ông đã phát minh ra được một thứ lò sưởi không có khói, cho sức nóng gấp hai lần mà lại dùng 1/4 số lượng củi đốt. Phát minh của ông được phổ biến trong thành phố vì nó rất hợp với khoa học lại tiện lợi. Chính quyền định cấp cho ông bằng phát minh song ông từ chối và nói: "Tôi được dùng các phát minh của người khác thì tôi cũng sung sướng khi thấy phát minh của tôi đã giúp ích cho các người chung quanh".

Năm 37 tuổi, vì Hội Junto kém phát triển nên Franklin đề nghị lập ra "Hội Triết Học Mỹ Quốc" (the American Philosophical Society) gồm các người đạo đức, có kiến thức rộng, ở các thuộc địa khác nhau tại Bắc Mỹ. Hội Triết Học này được tổ chức theo lề lối của Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc (the Royal Society). Nhiều người đã ghi tên tham dự và Franklin được bầu làm thư ký của Hội. Các hội viên thường trao đổi thư từ cùng nhau. Trụ sở của Hội đặt tại Philadelphia là

thành phố trung tâm lại có thư viện đầy đủ và nhiều tương lai về kiến thiết.

3- Nhà Khoa Học.

Vào năm 40 tuổi, vì kinh tế gia đình đã khá đầy đủ nên Benjamin Franklin có thời giờ để tâm đến Khoa Học. Thời đó châu Mỹ nhận được các sách báo cùng các dụng cụ thí nghiệm về điện học từ nước Anh gửi sang. Hội Triết Học nhờ Franklin làm các thí nghiệm như đã mô tả sẵn, song không những ông đã làm lại được hoàn toàn các thí nghiệm đó mà còn khám phá ra được nhiều điều mới lạ.

Năm 42 tuổi, Franklin cắt nghĩa được sự phân phối điện tích ở chai Leyde. Sang năm sau, ông lập bảng nhận xét về các đặc điểm chung giữa điện và sét. Ngày nay người ta còn nhắc lại thí nghiệm về sét bằng chiếc điều của ông. Franklin vẫn quan niệm rằng sự phát điện từ chai Leyde cũng giống như sét đánh, song với một cường độ nhỏ hơn nhiều. Ông tìm cách chứng minh. Nhân một ngày có bão, Franklin cùng con trai là William mang một chiếc điều ra thả. Cuối sợi dây điều, ông buộc một chiếc chìa khóa bằng các dải lụa. Bỗng nhiên ông nhận thấy các sợi của dải lụa tách ra như có một sức đẩy chúng xa nhau. Khi để ngón tay gần đầu nhọn của chiếc chìa khóa, một tia lửa bật ra và ông cảm thấy bị điện giật. Thí nghiệm này đã khiến ông kết luận rằng sét thường bị hút bởi các đầu nhọn bằng kim loại và ông tìm ra rằng các đám mây thường chứa điện âm. Khi thử lại với chai Leyde, Franklin thấy cùng kết quả. Ông lại có thể tiếp điện cho chai Leyde bằng điện của bầu trời. Thật là may mắn cho Franklin đã không bị sét đánh trong cuộc thí nghiệm táo bạo đó mà ông không biết, bởi vì về sau, Giáo Sư Richman thuộc Đại Học St. Petersburg khi làm lại thí nghiệm của ông đã bị thiệt mạng.

Năm 44 tuổi, sau khi đã hiểu rõ về sấm sét, Franklin đã phát minh ra cột thu lôi. Ông dựng ngay trên nóc nhà của mình một cột rồi sau lại cải tiến thêm. Franklin phổ biến phát minh này bằng một bài đăng trong quyển niên lịch của mình. Cũng năm này, Franklin được bầu vào Nghị Viện Pennsylvania.

Franklin luôn luôn nghĩ tới việc khai hóa dân chúng. Đối với ông, Hội Triết Học không đủ, ông cho xuất bản cuốn sách mỏng: "Các đề nghị liên quan tới vấn đề giáo dục các thanh niên ở Pennsylvania", nhờ vậy chương trình học đã được sửa đổi và nhà trường đã bắt đầu dạy tiếng La Tinh, Hy Lạp và Toán Học. Franklin được bầu làm chủ tịch Hội Đồng Quản Trị các trường Trung Học Pennsylvania. Philadelphia khi đó không có cơ sở đào tạo nên giáo dục cao cấp vì thế ông đã giúp tay vào việc thành lập Viện Hàn Lâm (the Academy) mà sau này là trường Đại Học Pennsylvania. Kết quả của các chương trình giáo dục và thư viện của Franklin đã giúp cho Pennsylvania trở nên một địa phương tiên bộ nhất trong 13 xứ thuộc địa thời bấy giờ.

Vào năm 1751, một người trong thành phố nghĩ đến việc lập ra một bệnh viện công cộng và một nhà tế bần, Franklin liền bắt tay ngay vào công tác thực hiện hai chương trình này.

Tháng 8 năm 1752, Franklin gửi cho ông Collison, nhân viên Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc những kết quả về các phát minh của mình. Tài liệu đó được đọc trước Hội Khoa Học vào tháng 12. Mọi nhà khoa học đều trầm trồ khen ngợi ông. Cuốn sách "Thí nghiệm và nhận xét về điện học" của ông được xuất bản tại London và năm sau, được dịch sang tiếng Pháp và in tại Paris.

Franklin cũng phát minh ra loại kính đeo mắt hai tròng (bifocal eyeglasses) nhờ đó kính đọc sách và kính nhìn xa được ghép chung vào một gọng kính. Ông cũng nhận thấy bệnh tật

phát sinh nhiều tại các căn phòng kém thoáng khí và ông cũng chỉ dẫn cho dân chúng cách cải thiện đất đai có acit bằng vôi bột (lime).

Năm 47 tuổi, Franklin được Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc trao tặng huy chương vàng Copley và Vua Louis 15 đích thân khen ngợi ông về các phát minh điện học. Các trường đại học Harvard và Yale tặng ông bằng cấp Cử Nhân Danh Dự. Ông lại được đề cử làm Tổng Giám Đốc Bru điện và đã giữ chức vụ này trong 21 năm liền.

Mùa xuân năm 1754, khi đó Franklin 48 tuổi, đã xảy ra cuộc chiến tranh giữa người Anh và người Pháp tại châu Mỹ. Franklin cho rằng các thuộc địa Bắc Mỹ nên đoàn kết lại để tự bảo vệ chống lại người Pháp và sự quấy nhiễu của thổ dân da đỏ. Ông đã cho in tấm hình hài hước nổi tiếng có tên là "Tham gia hay là chết" (Join or Die) trên báo của mình. Tấm hình này vẽ một con rắn bị chặt ra thành nhiều khúc, tượng trưng cho các thuộc địa Bắc Mỹ. Ông đã đề nghị Chương Trình Liên Bang (Plan of Union) tại hội nghị 7 xứ thuộc địa họp tại Albany, New York. Theo chương trình này, 13 xứ thuộc địa nên cùng nhau họp lại thành "một chính phủ tổng quát" (one general government). Chương trình liên bang đó đã chứa đựng các ý tưởng mà sau này có trong Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ. Các đại biểu tại Hội Nghị Albany đã đồng ý với chương trình của Franklin nhưng các thuộc địa đã không đồng lòng phê chuẩn.

Rồi chiến tranh đã khiến Franklin phải chú ý đến phạm vi quân sự. Đầu năm 1755, Tướng Edward Braddock và hai trung đoàn quân Anh tới Bắc Mỹ với lệnh chiếm lại căn cứ của người Pháp tại Fort Duquesne, là nơi hội tụ của hai giòng sông Allegheny và Monogahela. Đoàn quân Anh đã gặp khó khăn trong việc tìm mua ngựa và các toa xe. Franklin đã giúp công vào việc trang bị này. Nhưng rồi quân Pháp và dân da đỏ đã phục kích

đoàn quân Anh tại các bờ sông Monogahela và tướng Braddock tử trận, đoàn quân Anh hầu như bị tiêu diệt. Lúc này, Franklin đã lo việc thành lập đội quân tình nguyện địa phương để bảo vệ các thành phố biên giới, ông được đề cử làm Đại Tá quân đội để chống nhau với người Pháp và dân da đỏ. Ông cũng là người đã trông coi xây dựng một pháo đài tại Weissport thuộc Carbon County, Pennsylvania.

Năm 50 tuổi, Franklin được đề cử làm ủy viên quân sự của địa hạt Northampton. Ngoài ra, ông còn được bầu làm Hội Viên Danh Dự của Hội Triết Học Edinburg và nhân viên Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh Quốc, một danh dự ít khi dành cho một người sống tại xứ thuộc địa. Chính khách nổi tiếng người Anh thời đó là William Pitt đã nói trước Viện Quý Tộc Anh (the House of Lords) rằng Benjamin Franklin là một nhà khoa học đáng được xếp ngang hàng với Isaac Newton. Ông ta đã ca tụng ông Franklin là "một Danh Dự không chỉ dành cho nước Anh mà còn cho bản chất của con người" (an honor not to the English nation only but to human nature).

4- Nhà Ngoại Giao.

Cuộc chiến tranh với nước Pháp đã khiến cho Anh Quốc phải chi tiêu quá nhiều. Anh Quốc liền bắt các xứ thuộc địa phải gánh thêm phí tổn. Tất cả các đất đai đều phải chịu thuế. Vì vậy Nghị Viện Philadelphia liền cử Franklin sang nước Anh năm 1757. Tới London, khi xin bãi bỏ thuế không được, Franklin liền đưa ra một đề nghị theo đó các đất đai chưa đo đạc được miễn thuế. Đề nghị căn cứ trên sự công bằng của ông đã được phê chuẩn. Đây là thắng lợi đầu tiên của ông tại nước ngoài. Franklin đã ở Anh Quốc và hoạt động như một đại sứ không chính thức và cũng là người phát biểu các quan điểm của lục địa châu Mỹ.

VƯỜN TRĂNG

Có một vườn trăng ở cuối thôn
Tôi về thăm lại núi chon von
Mừng mừng tủi tủi bên thềm cửa
Ngoảnh lại, quay đi, vực xoáy tròn.

Thì ra trăng vẫn tròn vành vạnh
Chạnh nhớ chiều xưa, tiếng nỉ non
Thương quá em tôi mùa kẹp tóc
Bay bay gió thoảng ở trong hồn.

Từ thuở đôi mươi vào chiến nạn
Thân trai chi xá chuyện mắt còn
Đến tuổi hồi đầu quy cố quận
Tìm lại vườn trăng, trăng héo hon.

Thương trăng thương gió thương vườn cũ
Thương cả tình xưa, nay héo mòn
Mỗi độ thu về nghe lá đổ
Nhìn trăng xứ lạ ngẩn ngơ buồn.

ĐĂNG NGUYÊN

(Maryland)

Đầu năm 1760, sau khi cuộc chiến tranh với người Pháp và dân da đỏ chấm dứt, đã có một cuộc tranh luận lớn lao tại nước Anh. Người Pháp bị thất trận nên đã bằng lòng nhường lại cho nước Anh hoặc là một tỉnh thuộc Canada, hoặc là hòn đảo Guadeloupe trong quần đảo Tây Ấn (West Indies). Vào lúc cao điểm của cuộc tranh luận, Franklin đã cho phổ biến một tập sách mỏng so sánh một cách sáng suốt tương lai vô bờ của xứ Canada so với sự không quan trọng của hòn đảo Guadeloupe. Việc làm này đã khiến cho tại châu Âu và châu Mỹ, nhiều người

đã đọc kỹ tập sách của Franklin. Vài sử gia tin rằng do ảnh hưởng của tập sách này mà nước Anh đã chọn Canada.

Mùa hè năm 1762, Franklin trở về Bắc Mỹ. Ông được hoan hô nhiệt liệt và được bầu vào Nghị Viện Philadelphia. Vài năm sau Franklin lại sang nước Anh để tranh đấu cho việc ký kết văn kiện về Buu Điện. Vào ngày 13 tháng 2 năm 1766, Franklin ra trước Hạ Viện Anh (the House of Commons) để trả lời 174 câu hỏi liên quan tới việc "đánh thuế mà không có đại diện". Các nghị viên Hạ Viện Anh đã chất vấn ông trong gần hai giờ và ông đã trả lời vừa vắn tắt, vừa rõ ràng. Kiến thức về các vấn đề đánh thuế của ông đã làm cho mọi người phải ngạc nhiên và danh tiếng của ông vì thế đã vang lừng khắp châu Âu. Đạo luật về Tem Thuế (the Stamp Act) đã bị hủy bỏ sau đó và phần lớn công lao là của ông. Franklin đã là một người không những chỉ tranh đấu cho riêng miền Pennsylvania mà còn cho cả châu Mỹ.

Vào năm 60 tuổi, Franklin được bầu làm hội viên ngoại quốc của Hội Khoa Học Đức Quốc tại Göttingen, và Hàn Lâm Viện Pháp Quốc chọn ông làm một trong 8 hội viên nước ngoài, lúc đó ông 66 tuổi.

Khi các liên lạc chính trị giữa Anh Quốc và các thuộc địa trở nên xấu đi, Franklin vẫn muốn các thuộc địa châu Mỹ nằm trong đế quốc Anh nếu các quyền lợi của người dân thuộc địa được tôn trọng và bảo vệ. Ông sẵn sàng dùng tài sản của mình để bồi thường cho số trà bị phá hủy tại Boston (the Boston Tea Party) nếu chính quyền Anh hủy bỏ các thuế trà không công bằng. Nhưng người Anh đã làm ngơ trước đề nghị của ông, vì thế ông thấy mình không còn hữu ích nữa và ngày 21 tháng 3 năm 1775, Franklin buồn bã xuống tàu trở về châu Mỹ. Ông đã làm đủ mọi cách để giữ cho các thuộc địa châu Mỹ

nằm trong đế quốc Anh trên căn bản thiện chí và tôn trọng lẫn nhau.

Franklin về tới Philadelphia vào ngày 5 tháng 5 năm 1775, vào khoảng hai tuần lễ sau khi cuộc chiến tranh Cách Mạng bắt đầu. Ngày hôm sau, dân chúng Philadelphia đã chọn ông làm đại biểu phục vụ trong Quốc Hội Lục Địa Kỳ II (the Second Continental Congress). Ông Franklin ít khi tuyên bố tại Quốc Hội song ông là một trong các nhân vật tích cực và có ảnh hưởng nhất. Ông đã đề nghị Chương Trình Liên Bang (Plan of Union) trong đó có chứa đựng các ý tưởng căn bản dùng cho các điều khoản của Liên Bang Bắc Mỹ (Confederation). Franklin cũng giúp việc trong một ủy ban đi qua Canada để thuyết phục người Pháp tại đó tham gia vào cuộc chiến tranh Cách Mạng nhưng cuộc vận động này không thành.

Năm 1776, Benjamin Franklin được đề cử cùng với Thomas Jefferson và John Adams thảo ra Bản Tuyên Ngôn Độc Lập và ông cũng là một trong các nhân vật ký tên vào bản văn quan trọng này. Lúc bấy giờ, cuộc chiến tranh với người Anh chưa mang lại các thành quả tốt đẹp và vì Quốc Hội cho rằng việc đồng minh với nước Pháp có thể đưa tới thắng lợi nên Quốc Hội đã đề cử Franklin làm một trong ba ủy viên đại diện cho Hoa Kỳ tại nước Pháp. Cuối năm 1776, ở tuổi 70, Benjamin Franklin đã lãnh một nhiệm vụ quan trọng nhất trong đời ông. Ông đã tới đất Pháp và được chào đón nồng nhiệt. Dân chúng Pháp đã mến phục ông vì lòng từ tế, cách phục sức đơn giản, cử chỉ bình dị, trí óc khôn ngoan và các lời nói sáng suốt cũng như cách đối xử lịch thiệp với cả giới quý tộc lẫn giai cấp bình dân. Các đám đông đã đi theo ông trên đường phố. Các nhà thơ đã làm các bài ca tụng ông. Chân dung và tượng của ông được đặt tại nhiều nơi.

Mặc dù có tình cảm với ông Benjamin Franklin nhưng chính quyền Pháp thời đó còn rất do dự trong việc ký hiệp ước đồng minh với các thuộc địa Bắc Mỹ, vì một việc làm như vậy sẽ dẫn đến cuộc chiến tranh giữa nước Pháp và nước Anh. Tuy nhiên, với sự lịch thiệp, tài khôn khéo và tính kiên nhẫn, Franklin đã lấy dần được lòng tin tưởng của nước Pháp. Và cuối cùng vận may của ông đã tới khi đội quân Anh của Tướng John Burgoyne đầu hàng tại Saratoga. Thắng lợi của người Mỹ đã khiến cho nước Pháp ký kết hiệp ước đồng minh vào ngày 6 tháng 2 năm 1778. Sau đó, Franklin đã xếp đặt việc chuyên chở các sĩ quan, binh lính Pháp và súng đạn qua Bắc Mỹ. Franklin cũng mượn được tiền vay và xin được tiền tặng chuyển về cho Hoa Kỳ. Nhiều sử gia cho rằng nếu không có Benjamin Franklin, người Mỹ chưa chắc đã giành được độc lập.

Năm 1778, Benjamin Franklin được chỉ định làm bộ trưởng tại Pháp. Ông đã giúp công vào việc soạn thảo Hiệp Ước Paris là thứ đã làm chấm dứt cuộc chiến tranh Cách Mạng. Hiệp ước này đã hứa dành cho quốc gia non trẻ Hoa Kỳ mọi thứ cần thiết và Franklin đã là một trong các nhân vật ký nhận Hiệp Ước Paris vào năm 1783, và từ hiệp ước này, nền độc lập của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ được công nhận.

Từ năm 1776 tới năm 1785, Franklin sống ở ngoại quốc và luôn luôn mang thắng lợi về cho đất nước. Ngoài ra, các vinh dự vẫn tới tấp đến với ông. Hàn Lâm Viện Y Học Paris mời ông làm hội viên. Ông cũng là nhân viên của Hàn Lâm Viện Mỹ Thuật và Khoa Học Boston, là một trong 24 nhân viên ngoại quốc của Hàn Lâm Viện Khoa Học, Văn Chương và Mỹ Thuật Padoue, hội viên Hàn Lâm Viện Lịch Sử Madrid, hội viên danh dự Hội Văn Chương và Triết Học Manchester cũng như tại Hội Vật Lý, Vạn Vật và Mỹ Thuật Orleans, tại Hàn Lâm

Viện Khoa Học, Mỹ Tự và Mỹ Thuật Lyons. Hơn nữa, các tác phẩm của ông in tại các nước Anh, Đức, Pháp, Ý đã mang lại cho ông các danh vọng vô bờ.

5- Nhà Lập Quốc.

Năm 1785, Benjamin Franklin trở lại Philadelphia và được cử làm chủ tịch của Hội Đồng thành phố này, rồi lại được bầu làm Thống Đốc Tiểu Bang Pennsylvania. Ông được bầu lại vào chức vụ sau này vào những năm 1786 và 1787. Ngoài ra, Franklin còn có công trong việc phản kháng chế độ nô lệ tại châu Mỹ.

Năm 80 tuổi, Franklin vẫn còn hoạt động. Hồi đó các tàu biển chạy từ Falmouth ở nước Anh tới New York mất hai tuần lễ lâu hơn nếu không theo con đường London-Rhode Island. Các chủ tàu không biết tại sao như vậy, và đã đề nghị chỉ cho tàu đến Rhode Island mà không tới New York trong khi 2 nơi này chỉ cách nhau một ngày đường. Nhiều người đã cầu cứu đến Franklin. Ông liền tìm gặp các thuyền trưởng nên được biết rằng có một dòng nước chảy từ mạn dưới lên mà người ta chưa được biết rõ lắm, đó là dòng Gulf Stream. Franklin liền nghiên cứu dòng nước này: nào đo bề rộng, chiều sâu, đo nhiệt độ, sức chảy... Franklin khuyên các tàu bè nên lợi dụng dòng nước để cuộc hành trình được nhanh chóng hơn.

Năm 1787, xứ Pennsylvania đã đề cử Benjamin Franklin, 81 tuổi, tới họp Hội Nghị Lập Hiến (Constitutional Convention). Các đại biểu đã gặp nhau tại Sân Đường Độc Lập và thảo ra Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ. Vào lúc này, Franklin là đại biểu cao tuổi nhất của Hội Nghị. Sức khỏe yếu kém và tuổi cao đã không cho phép ông tích cực tham gia vào các hoạt động nhưng sự khôn ngoan, hiểu biết của ông đã giúp cho Hội Nghị tiến hành. Franklin đã dàn xếp được các cuộc tranh luận về quyền đại biểu tại Quốc

Hội của các tiểu bang lớn và nhỏ. Sự dung hòa của ông đã là nguyên do thành lập một quốc hội lưỡng viện.

Địp tham dự Hội Nghị Lập Hiến là lần phục vụ công ích cuối cùng của ông, song tuy cao tuổi, ông vẫn quan tâm tới các công việc quốc gia. Ông rất sung sướng khi thấy ông George Washington nhậm chức Tổng Thống đầu tiên của Hoa Kỳ. Ông đã hi vọng rằng gương mẫu của Hiệp Chúng Quốc Bắc Mỹ có thể dẫn tới một hiệp chúng quốc khác tại châu Âu.

Benjamin Franklin qua đời tại Philadelphia vào đêm 17 tháng 4 năm 1790 vì bị sưng phổi, thọ 84 tuổi. Vào khoảng 20 ngàn người đã tôn kính ông trong buổi tang lễ. Ông được chôn trong nghĩa địa của nhà thờ Christ Church tại Philadelphia, bên cạnh vợ ông chết năm 1774.

Benjamin Franklin được kể là một trong 6 công dân hàng đầu của nước Mỹ. Chân dung của ông xuất hiện trên các tem thư, tiền đồng và tiền giấy của Hoa Kỳ. Hai tổng thống Hoa Kỳ đã hãnh diện mang tên của ông: Franklin Pierce và Franklin D. Roosevelt. Thành phố Philadelphia cũng tưởng nhớ người Công Dân lừng danh nhất. Một sân vận động của Đại Học Pennsylvania đã được đặt bằng tên của ông, ngoài ra còn có Công Viên Franklin, Viện Franklin với bức tượng tạc ra do nhà điêu khắc James Earl Frase.

Vào năm 1790, khi được tin ông Benjamin Franklin qua đời, Quốc Hội nước Pháp quyết định để tang ba ngày và Bá Tước Honoré de Mirabeau đã ca tụng "Nhà Hiền Triết mà cả hai lục địa đều cho là của mình" (the sage whom two worlds claims as their owns). Còn Quốc Hội Hoa Kỳ chịu tang một tháng để tỏ lòng kính cẩn một Công Dân đã có công lớn đối với Quốc Gia, với Khoa Học, với Tự Do và với Nhân Loại./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

Backyard Wonderland

When it snows in October,
And it seems autumn's over,
We go out and play
And have a great day
Building in a backyard wonderland.

Gone away is the cell phone.
Joyful smiles set a new tone.
We laugh with our friends.
It's fun to pretend,
Building in a backyard wonderland.

In the garden we construct a snowman-
Leaves for hair that come from yonder tree.
He will melt but not our happy feelings.
They'll live on in our family's memory.

Later on when we're older,
Thinking back to days much colder,
Mom and kids will both say
"I'm glad that we played."
Our backyard is a treasured wonderland.

Kelly Senser

Virginia, October 2011



Khu Vườn Thần Tiên

Tháng Mười tuyết đã rơi,
Tưởng mùa thu qua rồi,
Chúng ta ra ngoài chơi
Một ngày vui thật lớn
Xây vườn sau tuyết với

Điện thoại tay xa rồi.
Ngây thơ tươi nét môi.
Vớ lũ bạn vang cười.
Lãng xãng cùng giả bộ
Xây vườn sau tuyết với.

Dựng người tuyết trắng tinh
Lá cây kia làm tóc
Không tan trong hạnh phúc
Và kỷ ức gia đình

Mai sau khi khôn lớn,
Nhớ ngày này lạnh hơn,
Mẹ, con sẽ cùng nói
"Chúng ta mừng đã vui chơi."
Khu vườn thơ ấu tuyết với thần tiên.

Nguyễn T. Ngọc Dung

Phòng dịch, Virginia, 10/2011

THÁNH ST. CECILIA SÁNG CHẾ ĐÀN PHONG CẦM (ORGAN)

Linh Phương

Lời Nói Đầu

Hàng năm đến ngày 22 tháng 11, trên thế giới có những buổi trình diễn ca nhạc để tưởng nhớ đến nữ Thánh Cecilia là một trong những huyền thoại đã được truyền tụng từ những nhà thờ xưa cổ nói về vị thánh tổ âm nhạc của các nhạc sĩ. Nữ Thánh Cecilia được các tín hữu Công giáo La-mã hoan nghênh vào thế kỷ III. Sau này, thiên hạ đã thêm dệt thêm thắt nhiều chi tiết về cuộc đời nhất là nói về giai đoạn lúc bà qua đời, người viết nay chỉ kể lại nơi đây những gì đã sưu tầm.

Linh Phương Suru Tâm

Nàng Cecilia thuộc dòng tộc quý phái sống tại Kinh đô La-mã dưới đời trị vì của Hoàng đế Alexander Severus, người đã bách hại những giáo dân Công giáo. Cha mẹ bà đã truyền đạo, dạy dỗ và mang đến cho bà niềm tin nơi Thiên Chúa cao cả. Từ thuở ấu thơ, nàng thường giấu trong mình sách Phúc âm, và tự hứa nguyện gìn giữ tiết trinh, xả thân làm việc từ thiện, tránh những thú vui khoái lạc và hư danh của cuộc đời.

Cecilia có năng khiếu về âm nhạc và dùng tài năng thiên phú ấy để ca ngợi và vinh danh Thiên Chúa. Nàng đã sáng tác nhiều thánh ca vừa đàn vừa hát cách êm ái đến nỗi các thiên thần trên trời bay xuống để nghe

Cecilia hát và đồng ca với nàng. Cecilia sử dụng được nhiều nhạc khí, nhưng không có cái nào có thể diễn tả cái suối nhạc hòa âm tràn đầy trong tâm hồn bà. Vì thế, Cecilia đã phát minh ra đàn phong cầm (*organ*) và về sau nàng đã dâng hiến đàn này để nhà thờ sử dụng trong lễ thờ phượng Thiên Chúa.

Năm 16 tuổi, cha mẹ Cecilia đã gả nàng cho một chàng trai thuộc nhà danh gia vọng tộc tên Valarian, nhưng chàng trai này là người ngoại giáo (*pagan*) chưa biết gì về Chúa Cứu-Thê Giê-xu (Jesus Christ). Cecilia vâng lời cha mẹ kết hôn cùng chàng trai quý phái, nhưng nàng vẫn thường mặc bộ áo thô sơ tâm thường đi đến nhà thờ cầu Chúa ban cho đủ nghị lực giữ vững trinh tiết như lời nàng đã hứa nguyện từ trước.

Cecilia đã thành công sau khi thuyết phục về đạo với chàng Valarian, chàng kính trọng lời hứa nguyện của Cecilia và nàng đã mang niềm tin Thiên Chúa đến với Valarian. Cecilia nói rằng có một thiên thần bảo vệ bà đêm ngày và không muốn người yêu thương nào trên thế gian này được gần nàng, chỉ muốn nàng giữ trinh tiết suốt đời. Khi chồng nàng nói rằng muốn gặp thiên thần

ấy, nàng bảo chàng rằng nếu muốn gặp được thiên thần thì chàng phải tin nhận Chúa và tiếp nhận thánh lễ Baptism (*rửa tội*). Sau đó, chồng nàng đã tin nhận Chúa sau khi nghe những lời rao giảng Phúc âm của Cecilia. Valarian đi đến gặp vị tu sĩ già Thánh Urban,



người phải đi ẩn trốn trong một hầm mộ vì cuộc bách hại bởi lệnh của nhà vua. Và chàng đã gặp vị tu sĩ để tiếp nhận thánh lễ Baptism.

Từ giã vị tu sĩ, Valarian trở về nhà. Khi chàng vừa bước vào nhà thì tai chàng nghe những tiếng nhạc dịu êm thanh thoát. Valarian bước chân vào phòng của Cecilia thì chàng thấy một thiên thần đứng gần nàng mà nếu là người vô đạo thì không thể trông thấy được. Vị thiên thần này tay cầm hai vòng hoa hồng và hoa huệ tươi ngát hương như vừa mới hái trên thiên đàng. Thiên thần lấy vòng hoa đặt trên đầu Cecilia và Valerian trong khi cả hai quì gối. Thiên thần nói với Valarian:

- Vì con đã nghe theo lời khuyên gìn giữ trinh tiết cho Cecilia, vậy con muốn cầu xin điều gì sẽ được!

Valarian đáp:

- Con có người em trai tên Tiburtius mà con thương yêu, xin thiên thần hãy mở mắt cho em con nhìn thấy chân lý.

Thiên thần mỉm cười nói:

- Valarian, Thiên Chúa đã thuận lời cầu xin của con đây! Người sẽ thấy được sự hiện diện của Chúa Cứu-Thế vắc cây thập tự chết thay cho chúng ta.

Nói xong, vị thiên thần biến mất. Không bao lâu, Tiburtius đến nhà của Cecilia thì ngửi được một mùi hương của hoa hồng mà lạ thay chàng không thấy hoa nào cả, lúc ấy lại không phải là mùa hoa hồng nở. Cecilia đã giảng cho cậu em chồng nghe những gì Chúa Cứu-Thế đã chịu khổ hình và chết thay cho con người để ban sự cứu rỗi cho những ai ăn năn tội và tin nhận Ngài. Sau đó, cậu em

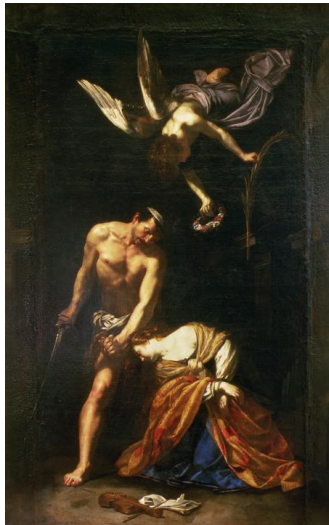
chồng đã tin nhận Chúa và cũng đi tìm gặp Tu sĩ Urban để tiếp nhận thánh lễ Baptism.

Từ đó, cả ba người đã đi làm việc của các tông đồ của Chúa Cứu-Thế Giê-xu là rao giảng Phúc âm cứu rỗi, khích lệ những tân tín hữu sẵn sàng hi sinh mạng sống vì Chúa. Khi có người bị tử vì đạo thì cả ba người đã làm việc an táng những giáo hữu này.

Lúc bấy giờ, Hoàng đế Marcus Aurelius trị vì, theo lời truyền tụng thì Cecilia bị tử vì đạo năm 180 A.D. Almachius là người chấp hành lệnh của nhà vua ban hành sắc lệnh rằng cả ba người này không được đi rao giảng Phúc âm. Cả ba nói: “Chúng tôi không thể nào ngưng việc đi rao giảng Phúc âm, đó là bổn phận của chúng tôi đối với Chúa. Chúng tôi không sợ hãi bất cứ điều gì mà người ta làm hại.”

Hai anh em Valarian và Tiburtius đã bị viên Thảm phán Maximus ra lệnh bắt giam vào nhà tù. Họ bị buộc phải bước qua thánh giá, nhưng cả hai cương quyết từ khước! Vì thế, Thảm phán Maximus hạ lệnh kết án tử hình hai anh em. Cecilia tự mình rửa sạch thi hài của hai người bằng chính nước mắt của mình, bà đã lấy áo của bà quấn xác hai người và chôn tại nghĩa trang Calixtus.

Thị trưởng Almachius để ý đến gia sản giàu có của Cecilia và ra lệnh tịch thu tài sản, và bắt giam bà trong ngục tối. Cecilia chỉ mỉm cười và trông đợi mọi sắp đặt nơi Chúa. Trong ngục tù, các tù nhân khác muốn chia xẻ từng mẩu bánh nhỏ, ngụm nước cho Cecilia, nhưng bà đã từ chối. Suốt ngày, bà luôn cất lên tiếng hát ca tụng Thiên Chúa và rao giảng Phúc âm cứu rỗi cho những tù nhân ấy. Có đến khoảng 40 người đã tin nhận Chúa Cứu-



Thế trong ngục tù và họ sẵn lòng tử vì đạo với bà.

Cuối cùng, Thị trưởng Almachius ra lệnh hỏa thiêu Cecilia, nhưng lửa đã không thiêu được thân thể nàng. Thị trưởng ra lệnh mang Cecilia ra pháp trường để chém đầu. Cecilia đã tử vì đạo vì kiên quyết giữ vững niềm tin nơi Chúa Cứu-Thế Giê-xu.

Trước giờ lâm chung, Cecilia vẫn cứ cầu nguyện... và nàng nhấn tin đến Tu sĩ Urban rằng ước muốn rằng nhà của bà sẽ là nơi thờ phượng Thiên Chúa. Nàng cứ tiếp tục ca ngợi Chúa cho đến giây phút cuối của cuộc đời mình. Sau đó, những giáo hữu đã an táng thi thể Cecilia nơi nghĩa trang của người chồng.

Ghi chú: Ảnh giáo đường Santa Cecilia, vào website sau đây để xem ảnh Giáo đường Santa Cecilia photos nếu thích:

<http://www.sacred-destinations.com/italy/rome-santa-cecilia>



Như mong ước của Cecilia, về sau, nhà của nàng đã trở nên nơi thờ phượng, và nơi Cecilia chịu khổ hình đã trở nên nơi chốn tôn

kính đặc biệt. Trải qua nhiều thế kỷ, lâu đài của Celcilia bị hư hỏng. Đến thế kỷ VIII, Giáo Hoàng Paschal I ra lệnh cho trùng tu lâu đài này (*năm 822 sau CN*). Trong thời gian lâu đài được tái kiến thiết, Giáo Hoàng Paschal I đã nằm mộng và thấy Cecilia hiện ra nói rằng hãy mở cửa mộ của nàng và người ta đã tìm ra nghĩa trang Calixtus nơi có hai ngôi mộ của Valerian, Tiburtius.

Tất cả đã được chôn trong một ngôi mộ lớn. Về sau, người ta xây thánh đường Cecilia tại thành phố Trastevere.

Đến thế kỷ XVI, những cửa mộ bằng đá bỗng mở ra trước mặt Đức Hồng Y Baronius, người đã chứng kiến rõ ràng thi hài bà Cecilia như mới được táng xác ngày hôm qua, thi hài bà nằm trên mặt quan tài, nơi đầu có vòng hoa tươi như có ai vừa đặt lên, có những tấm vải vàng và bạc được Giáo Hoàng tìm thấy trong quan tài như mới.

Lúc đó, Giáo Hoàng Clement III cho trám lại ngôi mộ, niềng quan tài lại bằng loại chì chắc chắn với nghi thức trang trọng cho bà Cecilia. Vị kiến trúc sư tài ba thời ấy là ông Stefano Maderno đã tự tay xây ngôi mộ với vật liệu quý hiếm và tốt nhất thời ấy. Ông đã cho thiết kế 96 ngọn đèn thấp sáng luôn như để tưởng nhớ đến niềm tin của Cecilia đã hy sinh mạng sống mình để làm sáng danh Chúa. Trên mộ bia có ghi: *“Trinh nữ Cecilia đã an nghỉ, nơi đây thân xác của bà là ngàn hoa thơm dâng đến Chúa như để tấu nhạc khúc với các thiên thần ca tụng Chúa trên Nước Trời.”*

Thánh Cecilia đã được nhiều người thờ bậy giờ xem như là vị thánh tổ âm nhạc, vì bà có công sáng chế ra đàn phong cầm (organ). Đến năm 1502, trong thế giới âm nhạc tại thành phố Belgium, tỉnh Louvain nơi bà Cecilia trợ giúp người nghèo khổ, bà được xem là quý khách của thành phố đã đẩy lên một phong trào ca kịch diễn về cuộc đời của

bà. Họ lấy ngày 22 tháng 11 làm ngày thánh bốn mạng Cecilia.



Năm 1571, tại Evreux Noeman, Pháp quốc, Nhạc trưởng Orlando Lasson đã thắng giải âm nhạc trong đại hội âm nhạc Cecilia. Tại Anh quốc, vào năm 1683, những nhạc trưởng người Anh đã tổ chức trình diễn đại hội âm nhạc Cecilia rất vĩ đại. Các nhà thơ nổi danh thời đó như Cryden, Shadwell, Congreve cùng các thi sĩ khác cùng hợp với hai nhạc trưởng lỗi lạc về phối âm, phối khí Purcell và Blow đã trình diễn nhạc ba ngày liên tiếp với dàn diễn viên đông đảo. Các thánh đường ở Pháp cũng đã tổ chức lễ tưởng niệm vị Thánh tổ âm nhạc Cecilia ngày 22-11 mỗi năm rất trọng thể với sự góp mặt của các Nhạc sĩ Adolphe Adam, Gounod, Ambroise Thomas.

Tại Đức, các Nhạc sĩ Spohr cùng Moritz Hauptmann cũng vinh danh bà với những nhạc phẩm ca tụng nữ thánh. Nhạc sư Haydn cũng viết rất sâu sắc cho buổi lễ tưởng niệm Cecilia không thể nào quên được.

Bà Jameson, một nữ sĩ nói rằng bắt đầu từ thế kỷ XV, Thánh Cecilia là biểu tượng cho các ngành nghệ thuật thời đó. Trong dân gian truyền tụng về cuộc đời bà đã nức tiếng qua văn thơ, trong âm nhạc, và trong hội họa. Các họa sĩ đã vẽ Cecilia chịu những khổ hình trong các bức tranh. Cecilia đàn nhiều nhạc

cụ khác nhau như: Organ, Harp, Sáo, Violin, Bass. Bức họa danh tiếng được trưng bày ở thành phố Louvre do Họa sĩ Misnard vẽ bà đang hát với đàn Harp.

Hơn 600 năm từ thời Cimabue đến thời đại chúng ta, có nhiều họa sĩ đã vẽ cho chúng ta ngắm vẻ đẹp thanh cao trình trắg của thánh nữ Cecilia, nhưng không có bức họa nào sống động tuyệt bích như bức họa của Raphael cho ta thấy Cecilia đứng ngẩng mặt nhìn lên thiên đàng trong tay đang cầm đàn organ; trên tầng mây xanh có sáu thiên thần đang hợp ca. Bên phải là Thánh Paul đang trầm tư, bên hông có thanh kiếm, giữa Thánh Paul và Cecilia, có Thánh John. Đứng trước Thánh John có người nữ Mary Magdalen tay đang cầm bình nước hoa, sau lưng có Thánh Augustine nhìn về Thánh John. Dưới chân nữ Thánh Cecilia ngổn ngang những violin, cymbals, triangle, sáo và những nhạc khí khác.

Hàng năm trên thế giới, người ta cử hành lễ bốn mạng Thánh nữ Cecilia vào ngày 22 tháng 11, không chỉ tưởng niệm vị nữ anh hùng đã tử đạo mà còn là ngày thánh tổ âm nhạc và cho người mù. Riêng người viết bài này, sau năm 1975, khi còn bị giam trong ngục tù Cộng sản ở khám Chí Hòa, họ đã dùng kềm rút móng tay để muốn hủy diệt các ngón tay âm nhạc. Người viết đã cầu xin Chúa giữ gìn bàn tay này để còn về đời tiếp tục lý tưởng âm nhạc phụng sự Chúa và tha nhân.



Thật vậy, Thiên Chúa đã làm phép lạ nhiệm màu giải cứu người viết thoát khỏi bàn tay của những người ác, nhưng đó là một câu chuyện diệu kỳ khác sẽ được viết trong một chương khác.

Linh Phương
(Florida)

TÂM LÒNG CỦA MẸ

ĐỖ BÌNH

Mẹ là tiếng gọi đầu đời của trẻ thơ, là dòng sữa ngọt nuôi nấng ta lúc chào đời, dạy ta bắt đầu học nói. Mẹ hát ru ta ngủ, chăm sóc lúc ta thức, tập cho ta những bước đi đầu tiên. Tình mẹ dịu vợ luôn luôn nồng ấm hòa nhập với mạch sống của con, lòng mẹ hân hoan sung sướng khi thấy con khôn lớn, hạnh phúc, thành đạt trong xã hội, và sẵn sàng chia sẻ những muộn phiền lo âu khi con gặp những thất bại trên đường đời. Không có bút mực nào tả hết được tình cảm thiêng liêng về tấm lòng cao cả của người mẹ, dù rằng trong thi văn, âm nhạc, hội họa hay sân khấu đã được giới nghệ sĩ đem tim óc diễn tả những tình cảm thiêng liêng sâu kín đó, nhưng nào ai có thể diễn tả được hết tình mẹ bao la, sâu thẳm? Hình ảnh người mẹ trong lãnh vực tôn giáo: Phật Giáo có đức Quan Thế Âm, tôn sùng dưới hình thức Mẹ. Thiên Chúa có đức Mẹ, thánh nữ đồng trinh Maria. Trong kho tàng văn hóa Việt Nam những truyện cổ tích, ca dao, tranh họa, cải lương, kịch ...viết về mẹ không nhiều, nhưng lại thấm tình dân gian nên lưu truyền đến ngày nay. Có người ví: *«Trái tim của người mẹ là một kỳ quan tuyệt hảo nhất trong số những kỳ quan trong vũ trụ, và cũng là trường học cho đứa con»*.

Nói về tình mẹ và đức tính hy sinh thì trên thế gian quả chẳng có bút mực nào kể hết. Từ thuở hồng hoang đến nay có nhiều sự thay đổi theo tiến trình thời gian, kể cả có những thứ đã mất đi, nhưng tình mẹ thương con vẫn không hề biến dạng hay thay đổi từ khi con người xuất hiện trên trái đất đến nay. Việt Nam từ thời xa xưa cho tới hiện nay, cái

nghèo vẫn triền miên như chiếc bóng đeo đuổi những người dân lam lũ. Thiên tai, chiến tranh, chế độ hà khắc, quan liêu là cái ách của dân tộc! Có một năm quê miền trung bị thiên tai bão lụt nặng, dòng nước tràn như biển cả, ngập lên nhà và cuốn đứa con đi. Người mẹ đã lao mình xuống dòng nước cứu đứa con đang bị dòng nước cuốn trôi. Nước chảy xiết mạnh như thác! Người mẹ một tay cố nâng cao đứa con, một tay cố bơi tìm chỗ bám. Khi bơi vào được bờ, đứa con được cứu sống nhưng người mẹ đã chết vì kiệt sức! Trong chiến tranh, nơi đang xảy ra những cuộc giao tranh khốc liệt, người mẹ tay bồng bế con thơ, tay dắt con nhỏ đi tản cư lánh nạn. Sau năm 1975 trong chế độ tem phiếu, nhiều bà mẹ vì mưu sinh phải đi bán máu để lấy tiền nuôi con. Muốn có thêm tiền bà đến nhà thương liên tục nhưng đã bị từ chối. Vì cần tiền nên bà đi chỗ khác bán, và cứ nhiều lần như thế bà đã chết vì kiệt sức, mất quá nhiều máu!

Chẳng biết câu ca dao sau đây đã có từ bao giờ, diễn tả nỗi lòng người mẹ mà âm còn vọng mãi hôm nay thành lời ru nghe ray rứt buồn ngủi như dạo khúc cho những bi kịch đời:

«Vi đầu cầu ván đóng đinh,

Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi.

Khó đi, mẹ dắt con đi.

Con thi trường học, mẹ thi trường đời.»

(Ca Dao Việt Nam)

Những tấm lòng cao vợ của người mẹ đâu phải lúc nào cũng được hưởng hạnh phúc, đôi khi gặp những nghịch cảnh đau lòng:

«Gió đưa bụi chuối sau hè,

Anh theo vợ bé bỏ bè con thơ.

*Con thơ tay âm tay bổng,
Tay dất mẹ chông đầu đội thúng bông.»*
(Ca Dao Việt nam)

Ở những trường hợp ấy người mẹ dành nước mắt cắn răng chịu đựng nuôi con. Hy vọng mai sau đàn con sẽ chống nên người hữu dụng. Nhưng tạo hóa đã sinh ra con người và cũng thường hay bắt con người phải chịu những nghịch cảnh! Khi những người con lớn khôn thành đạt lại có cuộc sống riêng, họ lại bắt đầu làm cha làm mẹ, dành hết tình thương cho con họ, nhưng lại quên người đã sinh ra họ! Người mẹ chỉ biết im lặng vì sự hạnh phúc của các con mà tìm niềm vui, trên môi người vẫn nở nụ cười như muốn che dấu một nỗi buồn sâu kín !

*« Mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,
Con nuôi mẹ con kể từng ngày ! »*
(Ca Dao Việt Nam)

Thi sĩ Lamartine đã nói về mẹ :
*« Hạnh phúc thay cho những người nào được
thượng đế ban tặng một hiền mẫu »*
(Lamartine).

Nhà danh họa người Mỹ Mary Cassat cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 thuộc trường phái ấn tượng đã vẽ một bức tranh sơn dầu mang chủ đề Tình Mẫu Tử là một trong những bức tranh giá trị của thế giới.

Tình mẹ không những bao la như biển trời thể hiện ở con người, mà tình mẹ cao cả còn thể hiện ở loài cầm thú về lòng hy sinh cũng vô bờ bến. Hình ảnh chim Bồ Nông (Pélican) trong thánh kinh đã kể rằng : *«Vi không tìm được môi, sớ con đói, chim Bồ Nông đã tự rĩa thịt mình cho con ăn.»* Thật là cao đẹp thay cho tình mẹ !

Trong dòng thi ca Việt Nam từ xưa đến nay, những bài thơ nói về mẹ thể hiện một sắc thái độc đáo, đặc sắc, mang dấu ấn riêng không nhiều. Tùy theo hoàn cảnh của từng nhà thơ nên cảm xúc diễn đạt bài thơ tuy có khác

nhau về nội dung và hình thức, nhưng vẫn có điểm chung là giữ được tính chất :Chân và Thiện về người mẹ. Bước vào cõi thơ là để lắng nghe tiếng lòng thổ thê của thi nhân, tùy theo tâm cảnh mỗi nhà thơ hòa nhập với ngoại cảnh. Thi sĩ Tân Đà đã trải tâm lòng để diễn tả nỗi lòng người mẹ qua lời ru triu mến trong đêm khuya thanh vắng :

*« Con ơi con ngủ đêm tàn,
Một hai giấc điệp muôn vàn tình thâm. »*
Hình ảnh người mẹ hiền là chất liệu tạo cảm xúc trong thơ của Nguyễn Hữu Nhật. Nhà thơ đã tả lại khung cảnh gia đình:
*« Mẹ ngồi tụng kinh Liên Hoa
Làm thơm suốt cả dãy nhà ba gian.
Mình con ngủ gật cạnh bàn,
Bài chưa thuộc hẳn, mộng toàn hoa sen. »*
(Thơ Hoa Sen)

Âm nhạc là bộ môn nghệ thuật dễ gây rung cảm lòng người gợi nhớ về một kỷ niệm qua những tiết tấu, giai điệu, ca từ. Người thường lầm cùng với tác giả hòa vào cõi âm thanh đầy sắc màu để sống với giây phút riêng. Phải chăng trong tâm hồn mỗi nhạc sĩ đều có chút thi ca nên lời của bản nhạc đôi khi là thơ đã giao hưởng ? V ào thập niên 65 thế kỷ trước, ca khúc Lòng Mẹ của nhạc sĩ Y Vân là một hồi chuông thức tỉnh. Ca từ như một bài thơ diễn tả nỗi lòng tuyệt vời của người mẹ, giai điệu là những nốt nhạc buồn phát ra từ tim máu, xương tủy. Ca từ và giai điệu quyện nhau kết thành một nghệ thuật thâm lòng người, để lại dấu ấn muôn đời về tâm lòng tuyệt vời của người mẹ :

*« Lòng mẹ bao la như biển thái bình dạt dào,
tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào.
Lời ru êm ái như đồng lúa chiều rì rào.
Tiếng ru trăng tà soi bóng mẹ yêu....*

*Thương con thao thức bao đêm trường,
con đà yên giấc, mẹ hiền sung sướng biết bao.
Thương con khuya sớm bao tháng ngày,
lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn.
Dù cho mưa gió không quản thân gây mẹ*

hiền. Một swong hai nắng cho bạc mái đầu buồn phiến. Ngày đêm sớm tối vui cùng con nhỏ một niềm. Tiếng ru êm đêm mẹ hiền năm tháng triển miên.. »

(Lòng Mẹ)

Thời đất nước ở giai đoạn chống ngoại xâm, nhạc sĩ Nhị Hà viết lên ca khúc Mẹ Tôi mà ca từ có lẫn những giọt nước mắt thấm vào hồn người nghe như tiếng chuông vọng buồn từ cõi xa : «*Mẹ tôi tóc xanh nhuộm bạc tháng ngày. Mẹ tôi đau buồn nặng trĩu đôi vai, bao năm nuôi đàn trẻ thơ nhỏ dại, cầu mong con mình có một ngày mai. Mẹ tôi nắng mưa chẳng ngại nhọc nhằn, Mẹ tôi mỉm cười nhìn bóng con ngoan. Không than không phiền dù lâm hoạn nạn. Lòng mong con mình xứng thành người dân...Nhưng nay con nên người, thì nay còn đâu bà mẹ hiền xưa ! Chiều nay đốt hương tưởng niệm trước mộ, Nhìn khói đầu lòng tưởng nhớ năm xưa. Công ơn sinh thành ngày nao đến trả. Mẹ ơi con mẹ nhớ lời mẹ khuyên. »*

(Mẹ Tôi)

Hình ảnh quê hương được nhân cách hóa với người mẹ. sự gian khổ, nhần nại và đức tính hy sinh của người mẹ được gắn liền với sự thăng trầm của đất nước. Trong thời chống ngoại xâm không một ai không bị ảnh hưởng của ly loạn, thân phận người đàn bà có lẽ chịu nhiều thiệt thòi, đắng cay nghiệt ngã nhất ! Nhạc sĩ Phạm Duy đã viết lên ca khúc Bà Mẹ Gio Linh, bài ca mang tính biểu tượng bà mẹ Việt Nam chống ngoại xâm :

« *Mẹ gia cuộc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày. Dù cho áo rách sờn vai, cơm ăn bát vơi bát đầy.. »*

(Bà Mẹ Gio Linh)

Thời kỳ đất nước ở giai đoạn Quốc Cộng mịt mù khói lửa đạn bom, nhạc sĩ Lam Phương đã xúc cảm viết lên ca khúc như tiếng ru buồn diễn tả nỗi lòng cô quạnh của

thiếu phụ chờ chồng và tâm lòng của người mẹ trong thời chiến:

« *Đêm khuya rồi à ơi..con yên ngủ. Trăng xa vời đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lũng hắt gió swong roi, được nhìn con thân mẹ đường âm cuộc đời. Hận loạn thù tình cha dứt bước ra đi, tháng năm qua thôn nghèo chờ mối duyên quê. Rồi một ngày người người lũng chiến công về, mừng thăm mẹ hỏi tin cha, ngờ đâu bóng đã khuất xa ! »*

(Tình Mẹ)

Đồng một nhịp điệu nhà thơ Tô Giang cũng gợi chút tâm sự qua bài thơ :

« *Thuở con mới chào đời,
Mẹ tuổi trăng mười tám...
Tóc xanh mẹ góa chồng
Tháng năm dài còm cõi
Mẹ con sống âm thầm
Mái tranh nghèo dệt nát,
Gió lùa những đêm đông.. »*

(Kiếp Mẹ)

Nhà thơ Nguyễn Ngũ Í đã phác họa chân dung người mẹ bằng những giọt lệ từ nhịp đập con tim mình qua bài:

« *Con nhìn má, má gầy nhiều, má hời,
Xương, gân này rờ rết ở tay chân,
Má, lại đây, má, cho con má nhìn gần,
Coi tóc má bạc nhiều hay ít... »*

(Má)

Chiến tranh nào mà không gây máu lửa phân ly, những nỗi buồn chất thành núi. Làm sao đếm hết được những giọt nước mắt của mẹ già, con dại hay vợ hiền ? Nhưng có lẽ sự thống khổ của người mẹ là tốt độ ! Thời ấy xuất hiện một nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với dòng nhạc phản chiến, những ca khúc phản nộ như muốn nói lên nỗi niềm của thân phận làm người trong một đất nước chiến tranh. Quả thật chiến tranh đã gieo vào tâm hồn Trịnh Công Sơn một ấn tượng mạnh khiến dòng cảm xúc tốt độ nên ông viết được những

tác phẩm làm xao xuyên lòng người. Tuyển tập Ca Khúc Da Vàng, trong ca khúc có những câu : « *Mẹ già lên núi tìm xương con mình...Mẹ ngồi ru con nước mắt nhục nhằn, xót xa đời mình...Thôi ngủ yên đi con, ngủ yên đi con che dấu thân đau rã mòn...* ». Giai điệu và ca từ sâu lắng đó réo rắt, trầm bổng như tiếng kinh gọi hồn nghe ai oán bi thương đến rợn người, làm xói mòn tâm thức của những người trai cùng thế hệ đang căm sùng làm nhiệm vụ bảo vệ sự tự do quê hương! Người ta tự hỏi có nên trách người nghệ sĩ sáng tác về những nỗi buồn chiến tranh? Làm sao cảm được dòng cảm xúc của người nghệ sĩ? Thế nhưng sau cuộc chiến, trước những thực trạng quá đen tối của đất nước, rất tiếc người nhạc sĩ phản chiến ấy đã không đi hết hành trình của tâm thức nghệ sĩ để nói lên nỗi thống khổ của dân tộc dù người nghệ sĩ đó ở phía nào, hay nhìn một góc độ nào; Trái lại ông đã ngoảnh mặt, làm ngơ trước thảm cảnh của đất nước !: «*Hình ảnh những người mẹ già bị điên vì mất nhà, mất người thân đi quanh bãi biển tìm xác con tử nạn trên đường vượt biên. Hình ảnh mẹ già lom khom gánh quà vào tận rừng sâu nuôi con trong tù xảy ra khắp nơi trong mọi miền đất nước.* » **Những bi kịch ấy dưới ngòi bút tài hoa có thể viết lên những tác phẩm để đời mang dấu ấn thế kỷ; tiếc thay nét nhạc tài hoa ấy bị nỗi sợ hãi làm nhòe !**

« *Hòa bình ơi bạo lực chặn lối về
Tàn chiến cuộc khói ngút bay trần thế !* »
(Viên Đan Sau Cùng)

Sau chiến cuộc, người mẹ Việt Nam lại một lần nữa khóc cho số phận của đất nước khi nhìn thấy quê hương biến thành những trại tù đầy ! Nước mắt người mẹ tiễn con đi lưu đày. Nhà thơ Phương Triều xúc cảm làm vắn thơ để diễn tả nỗi lòng của người mẹ. May mắn cho ông ngày ra tù vẫn còn gặp được mẹ, và nay đã cùng mẹ về cõi vĩnh hằng.

« *Mẹ già tóc bạc hơn sương*

*Hái cho con trái quýt đường đầu năm
Bà con giòng họ hỏi thăm
Rằng con luân lạc mấy năm lưu đày ?
Núi cao, biển thẳm, sông dài
Những thân tù rạc biết ngày về chưa ?
Mẹ ơi, chiều nay không mưa
Sao nghe ướt mặt như vừa tiễn ai !
Con về xơ xác hình hài
Mẹ không khóc được như ngày cách xa !
Mẹ tôi nay đã quá già
Nước mắt đã cạn, xót xa lại đây !... »
(Đã Cạn)*

Người ta cứ tưởng đến tuổi già là được an nghỉ, nhưng sau chiến tranh trong chế độ tem phiếu đời sống kinh tế khó khăn, tuổi già lại càng cơ cực hơn. Những bà mẹ Việt nam phải chắt chiu để có thể nuôi những đứa con trong tù. Nhà thơ Song Nhị nhớ mẹ mà lòng đau xót, trong tù đã mượn vắn thơ như một lời tạ lỗi với mẹ :

« *Ngoài bảy mươi chưa hết nỗi đoạn trường,
Đau thương chất lên tuổi già sức yếu. ...
Mẹ chắt chiu dành dụm trong tay
Tùng đồng bạc để nuôi con cải tạo.
Con ngồi trong bốn bức tường trần tráo
Tùng đêm dài tiếng mẹ vọng yêu thương. »
(Bài viết về Mẹ)*

Có niềm đau nào hơn niềm đau mất mẹ? Người mất mẹ thì cuộc đời còn lại như chỉ nhìn thấy nửa vầng trăng ! Mà trăng là biểu tượng cho cái đẹp trong sáng nhẹ nhàng đầy thơ mộng, cho dù trăng có lúc tròn có lúc khuyết. Cái khuyết đó như một hình thê méo, khối pha lê vỡ. Hình ảnh người mẹ là bóng mát là chỗ dựa cho người con dù ở tuổi nào. Nhà thơ Trần Trung Đạo ôm một nỗi bất hạnh khủng khiếp khi mới chào đời ông đã mất mẹ ! Có lẽ do nỗi buồn to lớn ấy đã giúp ông có những nhạy bén về cảm xúc hơn người. Thơ ông có một sắc thái riêng :

« *Con chẳng về đâu dù mưa hay nắng
Sông Thu Bốn trăng tháng bảy còn in*

Mười năm trời con làm mây viễn xứ
Mười năm dài biển biệt dấu chân chim

Ngày mẹ chết con chưa tròn một tháng
Cha tảo tần sớm nắng với chiều mưa
Thiếu sữa mẹ đòi con thành đại hạn
Thiếu lời ru con lớn với lộc lừa... »
(Chuyện Đòi Mẹ)

Nghịch cảnh đất nước làm đau lòng người. Nhà thơ Tùy Anh sau nhiều năm tù đày, nay làm kiếp lưu vong đã viết những lời thơ thông hối tạ lỗi với mẹ:
"Trắng tay tự thuở vào đời
Cũng hoàn tay trắng khi rời thế gian.
Mẹ ơi, biển biệt non ngàn
Giờ thương khóc mẹ muôn vàn xót xa. »
(Khóc Mẹ)

Đồng điệu với nỗi đau của đất nước, Minh Đạo người nhạc sĩ có thời làm cựu thẩm phán đã chẳng than trách và đổ thừa cho ai khi thế sự đã thay đổi, mà chỉ ngậm ngùi cho những năm tháng tù đày và cuộc đời phiêu bạt. Nhớ mẹ Minh Đạo đã mượn nốt nhạc để giải nỗi sầu như một lời tạ tội với mẹ:
« Hôm nay ngày giỗ mẹ, nhớ từ thuở ấu thơ cha đã không còn nữa, mẹ con cùng bơ vơ. Miếng cơm hòa nước mắt, những túi nhục kiếp người. Mẹ nửa con một nửa cùng chia sót dòng đời. Đòi con giờ phiêu bạt, bạc đầu vẫn trắng tay. Cúi đầu xin lỗi mẹ, con nghe mẹ thờ dài ! »
(Con Nghe Mẹ Thờ Dài)

Mỗi lần nghe lại bài ca dao qua điệu hát, lòng tôi lại một lần nào nê !

« Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay mẹ rụng, con phải mò coi. »
(Ca Dao Việt Nam)

Ôi mái tóc trắng phau trên gò má nhăn nheo như lớp vỏ cây cô thụ ! Ước mơ của mẹ thật bình thường, chỉ mong cho đàn con khi

khôn lớn sớm thành người dân. Buồn thay mộng ước **đó như mây bay, gió thoảng, đã** rụng theo từng sợi tóc mẹ với thời gian ! Thế sự xoay chuyển, đàn con mẹ nay vẫn phiêu bạt khắp nơi, lòng nghẹn ngào tôi **nhớ về mẹ và cố hương** :

« Sấm chớp đùa nhau đòi thoảng hiện,
Kiếp nghèo rách toạc phổ thân tiên!
Phố khuya, ai bước hẳn lên tuyết ?
Bóng hạc gọi ta nhớ mẹ hiền.
Năm ngoái lũ tràn qua xóm vắng,
Lạnh đây con ngộ mấy mùa trăng ?!
Gió đông vi vút luồn khe vách,
Chắc buốt lưng còng nổi giá băng!
Mưa đêm hay tiếng ho ngàn dặm?
Ta bỗng hình dung dáng mẹ nằm,
Hiu hắt nét già thêm rừ rượi,
Quặn lòng muốn chấp cánh về thăm.
Bến quê Sóng đỏ dâng mù lối,
Thôi cũng đành như chiếc lá trôi!
Ngục tối sá gì con đôi lá,
Mà e người khóc ngất trên đồi!
Cấn môi bật máu còn thom sữa,
Lạy mẹ con nào khác thuở xưa,
Ngày tháng ngút sâu nên tóc bạc!
Bao xuân quên mất phút giao thừa! »
(Paris Đêm Buồn)

« Mẹ tôi lúc còn chiến tranh hằng cầu nguyện cho quê hương sớm thanh bình để con mình khỏi chết trận. Sau khi hết chiến tranh lại cầu nguyện cho con thoát khỏi lao tù. Và giờ đây lại cầu nguyện quê hương được tự do dân chủ. Tôi viết bài này như một lời tạ tội suốt đời làm cho mẹ buồn ! »
« Viễn xứ mây chiều vương dáng mẹ,
Mắt buồn u uẩn mấy hàng tre
Tuyết rơi tê tái hồn vong quốc,
Mẹ xá cho con tội muộn về ! »

Đỗ Bình

Paris 13 05 2011

MỘT THIÊN TÌNH SỬ BI ĐÁT

KỊCH SÁU HỒI

Đời vua Minh Tông nhà Trần, quan thái thú họ Trịnh mới đến trấn nhậm Hồng Châu (Hải Dương), có người vợ trẻ đẹp luôn luôn ở bên cạnh.

Nhân đêm Trung Thu, ông bà bày tiệc rượu để thưởng thức gió mát trăng thanh.

HỒI I

Cảnh 1

Trịnh Thái Thú
Trịnh phu nhân
Hoa ti

- **Trịnh Thái Thú:** Đêm Trung Thu mây tạnh trời quang, phu nhân cùng ta nâng chén thưởng nguyệt.

- **Trịnh phu nhân:** Thiếp rất vui mừng được cùng tướng quân nâng chén mừng trăng. Ước mong non nước thái bình lâu dài, cho dân chúng hưởng thú thanh nhàn.

(Vừa lúc ấy Hoa ti bước vô thưa)

- **Hoa ti:** Trình phu nhân, có một thiếu nữ ăn mặc chỉnh tề, diện mạo đoan trang, muốn vào dâng phu nhân một lễ vật.

- **Trịnh phu nhân:** Lạ nhỉ!! Xứ lạ quê người này ai biết ta mà dâng lễ vật? Cứ cho họ vào.

Cảnh 2

Thêm thiếu nữ lạ mặt.

Thiếu nữ bước vô dâng một cái hộp nhỏ thếp vàng cho Trịnh phu nhân:

- "Chủ nhân tôi sai đem vật này kính biếu phu nhân".

Nói xong vội vã đi ra.

Trịnh phu nhân mở hộp ra xem, thấy một tấm dải đồng tâm màu tím trên đề:

- "Tặng người đẹp, chờ ngày tương phùng".

Trịnh Thái Thú nổi giận hét to:

- Bọn hải tặc to gan thật!! Nhưng phu nhân cứ yên lòng. Ngày mai ta sẽ cho quân binh tảo thanh miền duyên hải, diệt hết bọn này.

Hai ông bà cùng nhau chén tạc chén thù, say túy lúy ngủ quên.

HỒI II

Cảnh 1

Trịnh Thái Thú
Hoa ti

Trịnh Thái Thú tỉnh giấc không thấy phu nhân đâu cả, gọi Hoa ti:

- **Trịnh Thái Thú:** Hoa ti, người có thấy phu nhân đâu không?

- **Hoa ti:** Bẩm thượng quan, từ lúc con thức giấc, con vào bếp đun nước chế trà không thấy phu nhân đâu cả. Con có hỏi gia nhân cùng những người gác cổng, không ai hay biết chi cả, vì họ ngủ mê man.

- **Trịnh Thái Thú:** Gọi tất cả tôi ở trong nhà, và binh sĩ giữ cửa vào đây.

Cảnh 2

Trịnh Thái Thú
Ông Chương vệ

- **Trịnh Thái Thú:** Chúng bây say sưa thế nào, mà bọn đạo tặc vào đây không ai hay biết chi hết!!

- **Ông Chương vệ** (run sợ cúi đầu thưa): Bẩm thượng quan, bọn đạo tặc rắc thuốc mê, mọi người ngủ say, chúng thừa cơ lên vào bắt cóc phu nhân.

- **Trịnh Thái Thú:** Ông Chương vệ cho hợp binh sĩ để truy nã chúng nó.

HỒI III

Trịnh Thái Thú, ông Chương vệ cùng binh sĩ đi dọc duyên hải gặp một cụ già chống gậy đi dạo.

- **Trịnh Thái Thú:** Chào lão trượng. Lão trượng có biết bọn hải tặc ở vùng nào không?

- **Cụ già:** Thừa ngài, chúng nó ở tận đảo Phù Sa, cách đây trên ba trăm hải lý. Đi thuyền nếu được thuận buồm xuôi gió cũng phải mất non nửa ngày. Chúng thường đến đây bắt cóc phụ nữ vì trên đảo thiếu đàn bà.

Chúa đảng của chúng biệt hiệu là Thần Thuồng Luồng, vì hắn có thể bơi lội dưới nước trọn ngày không biết mệt. Bọn chúng đi ba trăm người, khí giới đầy đủ, rất tinh nhuệ về thủy chiến, canh phòng đảo một cách nghiêm nhặt. Thủy quân của triều đình cũng khó mà tấn công đảo để diệt bọn chúng.

Ngài nên thương lượng với chúng là hơn. Tôi xin làm trung gian để điều đình.

- **Trịnh Thái Thú** (quay sang nói với ông Chương vệ): Trước khi dụng binh dùng võ lực, ta tưởng cũng nên gặp đối phương.

Nhờ lão trượng giúp cho tôi được gặp tên Thần Thuồng Luồng trên đảo của hắn.

HỒI IV

Tại doanh trại của Thần Thuồng Luồng
Trịnh Thái Thú

Tù trưởng Thần Thuồng Luồng

- **Trịnh Thái Thú:** Xin tù trưởng cho tôi được chuộc phu nhân. Tồn bao nhiêu tôi cũng sẽ gom hết gia tài sự nghiệp để chuộc.

- **Tù trưởng:** Tôi cùng phu nhân đã có duyên nợ từ kiếp trước. Vừa gặp phu nhân, tôi đã nhớ những việc xảy ra ở kiếp trước. Tôi đã gắn bó với phu nhân trên trăm năm trước.

- **Trịnh Thái Thú:** Tù trưởng có thể cho phu nhân ra đây, xem phu nhân chọn ai? Nếu phu nhân chọn tù trưởng, tôi sẽ để phu nhân cho tù trưởng, tôi sẽ đi về ngay.

- **Tù trưởng:** Không được, phu nhân đang bị khủng hoảng tinh thần vì chưa quen phong thổ ở đây.

Trong lúc ấy, từ phòng trông vọng ra

tiếng khóc của phu nhân, đòi về Hồng Châu. Hai tỷ nữ giữ chặt phu nhân lại.

- **Tù trưởng** (nói tiếp): Muốn cho công bằng, một năm nữa ngài trở lại đây, nếu phu nhân chưa có con trai, tôi xin giao lại cho ngài.

HỒI V

Đúng một năm sau Trịnh Thái Thú trở lại doanh trại của tù trưởng Thần Thuồng Luồng.

Tù trưởng giữ lời hứa, cho Trịnh Thái Thú được hội kiến với phu nhân. Phu nhân đã từ bỏ y phục người Kinh, ăn vận theo lối người dân ở đảo, bồng đứa con trai vừa đúng 3 tháng.

- **Trịnh Thái Thú:** Tôi còn có thể thuyết phục tù trưởng cho phu nhân về.

- **Phu nhân:** Xin tướng công đừng làm thế.

- **Trịnh Thái Thú:** Phu nhân đã yêu con thuồng luồng rồi hả?

- **Phu nhân:** Không hẳn thế, nhưng tôi không thể nào bỏ con tôi được.

HỒI VI

Trên đường về, thủy thủ thuật lại: Trịnh Thái Thú đang ngồi ở mạn thuyền, bỗng bị mất thăng bằng té xuống biển, sóng cuốn đi mau quá, không ai cứu kịp.

VĂN BÁ (Paris)

ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ

Nhà Văn **NGÔ TẶNG GIAO**

Có bán tại

WASHINGTON MUSIC

6795 Wilson Blvd. #26

Falls Church, VA 22044.

(703) 538-4979

Hay liên lạc: **NGÔ TẶNG GIAO**

giaongo@msn.com

XUNG TỘI

Phạm Hữu Bính

Thánh Lễ cuối cùng ngày Chủ Nhật chấm dứt. Giáo dân lũ lượt kéo nhau ra về. Có những ông bà già đi chậm chậm, vừa đi vừa diu nhau. Có những cặp vợ chồng trẻ, dắt díu mấy con nhỏ, khuôn mặt sáng ngời, thủ thi chuyện trò. Có những thanh niên, thiếu nữ quàng tay qua lưng nhau, mặt nhìn mặt say sưa, đắm đuối.

Cha Dominic Lê Thanh Liêm cứ mặc nguyên áo lễ ra đứng trước thêm nhà thờ, tươi cười bắt tay tiễn chào các giáo dân. Có người đoán Cha Dominic năm nay chừng 27 hay 28 tuổi. Cha cao lớn hơn bất cứ người Việt nào trong giáo xứ này. Với vầng trán rộng, cặp lông mày rậm, đôi mắt sáng trong, nước da trắng ngà và mái tóc đen rẽ ngôi giữa, Cha Dominic giống như một tài tử màn bạc hơn là một linh mục.

Một vài người đàn ông khi đi qua chỗ Cha đang đứng, dừng lại bắt tay Cha Dominic như những cái máy, nhắc lại những lời chúc tụng mà cha đã nghe cả trăm lần:

- Chúc Cha nghỉ ngơi cuối tuần vui vẻ.

Một số người khác, nắm chặt tay cha vài ba phút, trò chuyện thân mật về những chuyến du lịch, hay việc học hành của con cái. Có vài ba cô thấy cha cao lớn, trắng trẻo, đẹp trai thì lợi dụng những lúc này đến ôm chầm lấy cha, như thể gặp lại được người thân sau nhiều năm xa cách. Một cô tá áo bạo ghé vào tai cha nói nhỏ:

- Cha đẹp trai như thế mà đi tu, uổng quá cha ơi!

Cha Dominic đã quen với những thử thách này. Cha không phải là người để các cô có thể bắt nạt được. Cho nên một hôm trong

bài giảng ngày Chủ Nhật Cha đã bắt đầu như thế này:

- Có một số giáo dân nghĩ rằng những người đi tu là những người khổ hạnh, thất bại trên đường đời, nhất là về tình duyên. Để trả lời chung cho quý vị này, tôi xin mượn hai câu thơ sau đây:

“Ai bảo đi tu là khổ

“Đi tu sướng lắm chứ.”

Cử tọa phá lên cười. Cha Dominic nói tiếp:

- Quý vị ai cũng có một gia đình. Một linh mục như tôi thì có cả trăm gia đình. Ai trong giáo xứ này cũng là người thân của tôi, là anh, là chị, là em tôi, là cô, là chú, là bác tôi.

Mọi người nghe mà cảm động.

Cha Dominic vồn vã, thân thương với mọi người. Cha có cách ăn nói duyên dáng, dí dỏm để gây cảm tình với người đối thoại.

Nhưng tất cả những cái đó chỉ là một lớp sơn hào nhoáng bên ngoài. Ít ai thấu hiểu được cái buồn mênh mang tràn ngập tâm hồn Cha Dominic khi Cha ở một mình. Sau khi người giáo dân cuối cùng ra khỏi khuôn viên nhà thờ, Cha Dominic trở lại giáo đường, yên lặng đóng cửa, cài then. Cha bỗng thấy lòng buồn tê tái. Tất cả chung quanh đều yên lặng hoàn toàn. Quay nhìn tứ phía, Cha chỉ thấy cây thánh giá trên bàn thờ và những hàng ghế lộp lộp trông trơn. Không có một ai để Cha trò chuyện. Không một ai hỏi han Cha.

Cha biết đám giáo dân của Cha sẽ về nhà quây quần quanh bàn ăn, với những món ăn ngon, nóng hổi, chuyện trò, đùa cợt với nhau. Những người khác có lẽ sẽ đi ăn tiệm. Nhưng ở đâu họ cũng cười nói, vui vẻ yêu đời.

Các linh mục khác cũng đã đi thăm cha mẹ, chú bác, anh chị em xa gần. Riêng cha Dominic không có thân thuộc nào để thăm hỏi. Cha hoàn toàn đơn độc. Cha chỉ nhớ lơ mơ rằng khi còn thơ ấu, Cha cũng sống trong một gia đình có bố mẹ và nhiều người anh. Cha nhớ Cha cũng được thương yêu, được ăn

no, mặc ấm, được chơi đùa với các anh. Cha nhớ tên Cha lúc đó là Liêm – Lê Thanh Liêm

Rồi một hôm tất cả những cảnh vui đẹp đó bỗng biến mất. Chú bé Liêm sực tỉnh dậy khi nghe như có tiếng súng nổ. Có tiếng gọi, tiếng đập cửa, tiếng những người hàng xóm la thất thanh, tiếng còi hụ của xe cảnh sát hay xe cứu thương. Còn gì nữa xảy ra sau đó, Cha không nhớ. Có lẽ khoảng thời gian đó quá đau thương nên đã bị xoá mờ đi trong tiềm thức. Ở mà hình như có ai mang cậu bé Liêm đến một nơi khác, đến nhà Cô Hường. Ít lâu sau, người ta đưa Liêm đến nhà một người khác tên là Chú Lân. Ở đâu Liêm cũng chỉ cảm thấy như người ngoài, không ai thực sự săn sóc đến Liêm. Những lúc vui buồn, Liêm chẳng biết chia sẻ cùng ai.

Một buổi sáng, chú Lân nói với Liêm:

- Chú vừa mất việc. Chú phải sang nhà người quen ở nhờ. Chú không mang cháu theo được. Chiều nay cơ quan xã hội sẽ đưa cháu đến ở nhà bố mẹ đỡ đầu cho cháu. Chú đã sắp sẵn quần áo cho cháu ở trong sách tay này.

Rồi chú Lân lấy ở trong túi áo ra một tấm hình màu, đưa cho Liêm:

- Đây là tấm hình duy nhất của gia đình cháu mà chú còn giữ được. Chú cho cháu để cháu giữ làm kỷ niệm.

Liêm trông vào tấm ảnh và nhận ra mọi người: Bố Liêm, mẹ Liêm và bốn anh em Minh, Hoàng, Thứ và Liêm. Tất cả đều tươi cười. Nhưng tất cả bỗng biến đi đâu mà giờ này chỉ còn một mình Liêm ở đây. Liêm không hỏi chú Lân vì Liêm biết chú Lân sẽ không nói, cũng như cô Hường đã không nói cho Liêm biết.

Rồi Liêm nghĩ ra: Tất cả đã chết. Liêm nhớ cô Hường có bế Liêm đến nhà thờ. Liêm đã thấy bốn cái hòm. Liêm hiểu lẽ mờ rằng những hòm đó dùng cho người chết.

Thời gian qua đi. Liêm được chuyển từ cha mẹ đỡ đầu này đến cha mẹ đỡ đầu khác. Liêm vừa làm quen được vài người bạn trong xóm

thì lại phải thay đổi chỗ ở, lại phải khởi sự với con số không. Có những cha mẹ đỡ đầu hay la lối làm Liêm sợ xanh mặt. Có những cha mẹ đỡ đầu thờ ơ, cả ngày chẳng nói một câu với Liêm. Để tìm quên lãng, Liêm đã vùi đầu vào với sách vở hay các môn thể thao.

Năm mười bốn tuổi, Liêm được đưa đến ở với ông bà Miller. một gia đình công giáo. Thấy Liêm ham học, ông bà Miller cho Liêm vào học trường Đạo. Các nữ tu dạy ở trường khuyến khích Liêm học để làm linh mục. Ở lớp nào Liêm cũng được thầy yêu, bạn mến. Học hết trung học, Liêm học thêm tám năm nữa mới đủ điều kiện làm linh mục. Bốn năm đầu Liêm học các môn như các sinh viên đại học khác. Bốn năm sau, Liêm học các môn thần học, lịch sử giáo hội, tâm lý, xã hội, nói trước công chúng. Liêm học cách quản trị một giáo xứ và thực tập làm linh mục.

Liêm vui tươi, hăng hái trong giờ học bao nhiêu thì Liêm càng cảm thấy cô đơn hơn khi về phòng riêng bấy nhiêu. Mọi người chung quanh ai cũng ngong ngóng mong đến ngày lễ, ngày nghỉ. Riêng một mình Liêm sợ những ngày nghỉ và ngày cuối tuần vì đây là lúc mà cái cô đơn của Liêm hiện rõ hơn bao giờ hết. Có những lúc thèm khát một gia đình, Liêm lại lấy tấm ảnh mà chú Lân cho ra xem. Liêm tưởng tượng nếu những người trong tấm ảnh còn sống thì giờ này chắc họ sẽ lấy làm hãnh diện về những thành quả của Liêm. À mà biết đâu Liêm chẳng thuyết phục được một người anh của Liêm vào học làm linh mục như Liêm.

Năm hai mươi sáu tuổi, Liêm thụ phong chức linh mục. Ngày lễ thụ phong, Liêm đã mời ông bà Miller và các nữ tu ở trường cũ đến dự. Bây giờ mọi người không gọi Liêm bằng tên riêng nữa. Ai cũng gọi Liêm là Cha Dominic. kể cả Đức Tổng Giám Mục.

Cha Dominic được cử về làm việc như một phó tế ở Giáo Xứ Saint Bridget này là nơi có nhiều giáo dân người Việt. Cha bận rộn suốt ngày. Cha dậy từ năm giờ sáng để làm

thánh lễ, ngày thường cũng như ngày Chủ Nhật. Cha phải soạn bài giảng trong các thánh lễ, phải dạy giáo lý cho những người muốn trở lại đạo, và nhiều việc không tên nữa. Cũng như ngày còn đi học, Cha Dominic bỏ cả tâm trí vào từng việc, dù lớn hay nhỏ. Nhưng trong tất cả các nhiệm vụ mà Cha phải gánh vác, nhiệm vụ đem lại cho Cha nhiều an ủi, sáng khoái tinh thần có lẽ là nhiệm vụ ngồi toà giải tội trước mỗi thánh lễ hay từ ba giờ đến năm giờ chiều ngày Thứ Sáu.

Cha Dominic còn nhớ ngày Cha đi xưng tội lần đầu khi được mười lăm tuổi. Lúc đó Cha còn là cậu học sinh tên Liêm. Khi bước đến trước cửa phòng giải tội, Liêm kính cẩn quỳ xuống, chờ đợi. Có tiếng người từ sau màn che màu đen hỏi:

- Con xưng tội lần cuối cùng là bao giờ?

Liêm run run thưa:

- Đây là lần đầu tiên con đi xưng tội. Xin cha giúp con xét mình.

Tiếng người sau màn che nhỏ nhẹ:

- Đề cha giúp con. Con cứ thành thật mà trả lời những câu hỏi của cha. Con có thờ phụng một thánh thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời ra không?

- Dạ. Không.

- Con có kính mến bố mẹ con không?

- Con không biết, vì con không có bố mẹ

- Con có ăn gian, nói dối không?

- Dạ. Không.

- Con có giết người không?

- Chắc chắn là không.

- Con có ham muốn vợ chồng người khác không?

- Dạ. Cũng không. Nhưng đêm qua con bị xuất tinh ướt cả quần. Con không biết trong khi ngủ con có mơ điều gì xấu xa không.

- Con có đọc những sách mà Hội Thánh cấm đọc không?

- Con đọc những sách mà các thầy giáo bảo con phải đọc. Con cũng đọc những sách khác mà con thích tuy các thầy không đòi hỏi

con phải đọc. Con không biết sách nào là sách mà Hội Thánh cấm đọc.

- Con đã thành thật trả lời những câu hỏi của cha. Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần. Con hãy ra về bình an và đọc năm kinh Lạy Cha và năm kinh Kính Mừng.

Liêm đứng lên ra về, lòng tràn trề một niềm hoan hỉ. Liêm cảm thấy Liêm là một con người hoàn toàn mới, trong trắng, thanh khiết, không vướng một chút bụi trần gian, Liêm cảm thấy như mình có thể bay bổng lên không được.

Bây giờ thì Cha Dominic là người ngồi sau màn che, lắng nghe những lời xưng tội của các con chiên. Ngồi đây Cha Dominic cảm thấy Hội Thánh La-Mã đã ban cho các linh mục một quyền lực quá lớn lao, được đòi hỏi tất cả các con chiên, từ những người già cả trăm tuổi đến các thiếu nhi vừa chịu phép Thêm Sức, tất cả mọi con chiên - từ những người cao uy quyền thế đến những kẻ vô danh, tiểu tốt - phải đi xưng tội với một linh mục, ít nhất là mỗi năm một lần. Qui trước toà giải tội, người ta thổ lộ ra những bí ẩn đã trôn sâu tận đáy lòng, những bí ẩn mà người ta không dám nói ra với ai, kể cả những người thân yêu nhất như bố, mẹ, anh, chị, em ruột thịt, không hẳn vì người ta mong được lên Thiên Đàng hay sợ sẽ bị đày xuống Địa Ngục mà vì bị lương tâm cắn rứt.

Cái lương tâm ở trong mỗi người, ngay cả những người cả đời chưa bao giờ đi nhà thờ hay đi lễ chùa, ngay cả ở những người chưa bao giờ đọc sách về luân thường, đạo lý, hay được nghe giảng về nghiệp trường, về thuyết nhân quả, làm Cha Dominic tin tưởng rằng Thượng Đế đã đặt sẵn lương tâm đó ở sâu trong tâm hồn mỗi người.

Cha Dominic còn nhớ có xem trên TiVi một chuyện xảy ra ở Philadelphia, PA. Cảnh sát được tin có một người đàn ông chết, nằm ở góc Đường Walnut và Đường 52. Khi đến nơi, cảnh sát đã khám phá ra là người đàn ông

đó có tên là George, một người vô gia cư, sống lẩn lóc ở đầu đường, xó chợ quanh khu này mà ai cũng biết. George đã tự vẫn bằng cách lấy dao nhọn đâm vào tim. Có điều lạ là trước khi tự vẫn, George đã cắt đầu ngón tay lấy máu viết lên tường một câu văn tắt: “*I am sorry*” (Tôi ân hận). Cảnh sát không hiểu anh ta ân hận về cái gì mà tự vẫn.

Một giờ sau, cảnh sát lại được tin báo có một án mạng cách đó chừng hai dặm. Một người đàn bà tám mươi hai tuổi tên là Jackie Lawson bị đâm chết. Phòng ngủ của bà ấy bị lục lọi tung toé, chứng tỏ đã có kẻ gian vào tìm tòi tiền bạc. Dấu tay còn đẫm máu in trên cửa và lối ra vào cho thấy kẻ giết bà Jackie Lawson chính là George. Những người ở khu đó cho cảnh sát biết bà Jackie Lawson là mẹ nuôi của George trong nhiều năm qua. George ở với bà ấy được ít lâu rồi lại bỏ đi lang thang. Khi khốn khổ quá thì lại mò về xin tiền hay đồ ăn. Lần này chắc là bà Jackie Lawson không có tiền cho hắn nên hắn nổi sùng mà giết bà ấy. Nhưng khi nguôi cơn giận thì George đã hối hận và tự vẫn luôn. Một người như George mà còn biết hối hận thì đủ chứng tỏ rằng anh ta cũng có một lương tâm.

Cha Dominic đã thấy có nhiều con chiên đến xưng tội, trút bỏ được những u sầu, ân hận chứa chất trong lòng từ bao lâu, khi được giải tội ra về thì vui tươi, hớn hờ, như người chết sống lại. Đây là niềm hân hoan, đây là niềm an ủi nhất cho Cha trong nhiệm vụ một linh mục.

Cũng có những con chiên đến xưng tội một cách ngớ ngẩn hay không thực lòng ăn năn. Một thiếu nữ đã xưng tội như thế này:

- Thưa cha, con đã phạm tội dâm dăng.

Cha Dominic hỏi:

- Con phạm tội dâm dăng như thế nào?

- Thưa Cha. Con đi xe đạp, yên xe đè vào cửa mình con và con thấy bị kích động tình dục.

Cha Dominic hỏi:

- Năm nay con bao nhiêu tuổi?

THƯƠNG GHÉT CHO ĐỜI

Trăng còn đầy khi vầng đông chưa tới
Gió miên man ru giấc ngủ em ngoan
Em tôi ơi, duyên dáng mắt nai tròn
Hương say đắm đưa ta về cõi mộng..

Giữa trần gian men tình cănG nhựa sống
Ai ngờ đâu đến đâu bề cuộc đời
Mới cười đó, rồi đem về lại khóc
Sáng trời trong, trưa tuyết đã rơi rơi..

Cuộc tình tan khi nắng xế chơi vơi
Tim rướm máu chảy qua vùng kỷ niệm
Giọt lệ tràn ướt đẫm nỗi niềm riêng
Yêu đương lắm, rồi phong ba tiếp nổi!

Hồn lãng đãng đổ bên triền gió nổi
Tím lan dần theo ngọn lửa bi, hoan
Trót thương nhau sao nỡ để bề bàng
Em xa vắng nhưng sông còn ở lại..

Hôn nhau đó. Dàn ra xa. Ngang trái
Em có nghe cơn đau lặng, tình ta?
Rượu chữa cạn ly, giọng hát đến thiết tha:
“thương cho đời,ghét cho đời,
và cũng chán cho đời..”*

**lời trong bản nhạc*

Vàng Phai Mấy Lá của Đoàn Chuẩn

Va, ngày 31- 12-08

Bùi Thanh Tiên

- Năm nay con mười bảy tuổi.

Cha Dominic muốn nói “Ồ cái tuổi mười bảy mà đôi khi con cảm thấy bị kích động về tình dục thì là chuyện tự nhiên. Nếu con không bao giờ cảm thấy bị kích động về tình dục thì mới là điều lo ngại.” Nhưng Cha chỉ nói giản dị:

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần. Con ra về bình an và đọc ba kinh Lạy Cha và ba kinh Kính Mừng.

Một lần khác, một bà đến xưng tội nói:

- Thưa Cha, con mắc tội gian tham của người. Con đi chợ, mua đồ ăn hết sáu mươi hai đô-la. Con đưa giấy một trăm đô-la mà người bán hàng thối lại cho con tám mươi tám đô-la. Con biết người ta nhầm mà cứ lờ đi. Bây giờ con ân hận quá.

Cha Dominic nói

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần với điều kiện trong vòng một tuần lễ con phải mang trả lại số tiền dư cho người bán hàng kia. Con ra về bình an và đọc năm kinh Lạy Cha và năm kinh Kính Mừng.

Bà kia ra về về mặt buồn thiu.

Ngày Thứ Năm trước Lễ Phục Sinh là ngày nhiều người đi xưng tội nhất trong năm. Cha Dominic thấy có đến năm sáu chục người, già, trẻ, lớn bé đứng xếp hàng để chờ đến lượt vào xưng tội. Có những người đã xét mình kỹ lưỡng và sửa soạn sẵn những lời để mô tả tội lỗi của mình, Cha Dominic yên lặng nghe và thỉnh thoảng “ừ, ừ”, “à, à” để chứng tỏ Cha đang lắng nghe. Cuối cùng Cha nhắc lại câu thường lệ:

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần. Con ra về bình an và đọc ba kinh Lạy Cha và ba kinh Kính Mừng.

Có những con chiên khác vào xưng tội mà nói vòng vo, đầu không ra đầu, cuối

không ra cuối, làm Cha Dominic phải hỏi đi, hỏi lại mà vẫn không hiểu. Nhưng Cha không thể mất thì giờ về một người để những người khác phải chờ đợi quá lâu. Cha đành chấm dứt người đó bằng câu thường lệ:

- Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần. Con ra về bình an và đọc ba kinh Lạy Cha và ba kinh Kính Mừng.

Sau hơn hai giờ ngồi trong toà giải tội, Cha Dominic bắt đầu thấy bồn chồn, mệt mỏi. Cha chỉ mong cho chóng đến người cuối cùng để Cha được về nghỉ ngơi ít phút. Một người đàn bà đến quỳ trước toà giải tội. Cha Dominic hỏi:

- Còn mấy người đứng đợi đằng sau con?

Người đàn bà thưa:

- Con là người cuối cùng.

Cha Dominic thở phào. Cha nói:

- Con có thể bắt đầu.

Người đàn bà tiếng run run nói:

- Con xưng tội lần cuối cùng cách đây hơn hai mươi năm. Con đã phạm tội ngoại tình và tội giết người.

Cha Dominic ngồi thẳng mình lên:

- Con hãy nói cặn kẽ cho Cha nghe.

Người đàn bà sụt sùi nói tiếp:

- Ngày ấy con ba mươi sáu tuổi. Con trẻ, đẹp. Con có chồng và bốn đứa con trai. Chồng con làm nghề sửa máy lạnh. Con làm thợ cắt tóc ở tiệm Hair Cuttery. Gia đình chúng con sống sung túc, hạnh phúc ở Thành Phố San Augustine, Texas. Một hôm có một thanh niên đến cắt tóc. Thấy con là anh ấy tỏ lòng say mê, quyến luyến ngay. Anh ấy tên là John Yates, một kỹ sư vừa tốt nghiệp, đang làm với hãng General Electirc, có văn phòng gần tiệm cắt tóc Hair Cuttery. Mỗi lần đến cắt tóc là anh ấy mang quà đến tặng con. Khi thì hộp kẹo sô-cô-la, khi thì cái khăn quàng cổ, khi thì lọ nước hoa. Rồi chúng con yêu nhau vụng trộm, hẹn hò lúc đi ăn trưa. Có những ngày cuối tuần, con nói dối chồng con là con

phải đi làm giờ phụ trội, rồi đi chơi với người tình của con. Cho đến một hôm Thứ Bảy, con cũng nói dối chồng con là con đi làm để rồi đi chơi với John ở Busch Garden. Lúc về, đường bị kẹt cứng vì có tai nạn xe hơi. Con sợ hãi quá chừng. Con biết không thấy con về, chồng con sẽ đến tiệm Hair Cattery tìm con rồi sẽ biết là con đã lừa dối anh ấy. Con sợ anh ấy bắn chết con nên con không dám về nhà. Con vào một motel ở qua đêm để suy tính. John lúc bấy giờ còn ở chung với bố mẹ. Sáng hôm sau thì TiVi loan tin chồng con đã bắn chết mấy đứa con rồi tự tử theo. Con hoảng hốt bỏ trốn lên vùng này vì con sợ bị cảnh sát bắt và bị bà con sỉ vả. Con cũng không có can đảm nào mà về để nhìn thấy cảnh gia đình tan rã do con gây ra. John cũng sợ bị liên lụy nên không liên lạc với con nữa. Ít lâu sau thì con kiếm được việc làm lau chùi nhà cửa và nấu ăn trong một tu viện của các nữ tu dòng Mân-Côi cách đây mười hai dặm. Con âm thầm về thăm mộ chồng con và các con con mấy tháng sau đó. Con khóc lóc và quì ở đó cả giờ để khấn vái, xin chồng con và các con con tha thứ cho con. Con nhận ra là một trong số bốn đứa con con, có một đứa thoát chết vì con chỉ thấy có bốn nắm mồ. Suốt hơn hai mươi năm qua, không một ngày nào mà con không nghĩ đến cái thảm cảnh gia đình do con gây ra và đứa con còn sống sót. Nào biết nó lang bạt về đâu, bơ vơ một mình, không một người thân yêu.

Cha Dominic thay đổi cách xưng hô, hỏi:

- Bà có muốn tìm đến đứa con còn sống sót đó không?

Người đàn bà suy nghĩ một giây rồi thưa:

- Thưa cha, không. Con còn mặt mũi nào mà trông thấy nó. Làm sao con dám cho nó biết vì những hành động dâm loạn của con mà bốn người thân yêu nhất trong đời nó phải thiệt mạng? Để nó phải sống vất vưởng một mình trên cõi đời này.

Cha Dominic hỏi tiếp:

- Bây giờ bà có ước nguyện gì không?

Người đàn bà trầm ngâm một lúc rồi thưa:

- Con chỉ ước sao con tìm lại được một tấm ảnh chụp ngày chúng con còn có nhau để con được nhìn lại người chồng suốt đời căm cũi vì gia đình mà con đã phản bội, để con được nhìn thấy những đứa con kháu khỉnh, ngoan ngoãn mà con đã xô đẩy vào chỗ chết.

Cha Dominic, giọng rung rung những nước mắt, nói:

- Cha sẽ cầu nguyện cho con.

Lơ đãng, Cha đã quên không nói câu thường lệ: “Cha tha tội cho con nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần.”

Người đàn bà đã đứng lên ra về từ hồi nào mà Cha không hay. Cha ngồi lại trong toà giải tội thật lâu, nước mắt chảy ròng ròng.

Vài ngày sau, tờ báo địa phương *Tribune* đăng trên trang nhất tin sau đây:

“Tin từ bản doanh cảnh sát cho biết sáng nay có một người đàn bà tự tử trong nhà dòng Mân-Côi. Người này có tên là Bùi Thị Tư, 58 tuổi, đã làm việc cho nhà dòng hơn 20 năm qua. Mẹ Bề Trên cho biết bà Bùi Thị Tư là một người làm công rất chăm chỉ, chịu khó. Hai mươi năm qua, bà ta chỉ nghỉ có bốn ngày. Bà ta hình như không có thân thuộc nào ở gần đây. Bà ta rất ít nói. Hôm qua có một phong bì gửi tới cho bà Tư. Theo thông lệ, Mẹ Bề Trên mở ra xem và chỉ thấy một tấm ảnh đã cũ chụp hình một gia đình. Mẹ Bề Trên đã giao đến tận tay bà Tư. Cảnh sát cho biết bà Bùi thị Tư đã tự tử bằng cách dùng lưỡi dao cạo cắt đứt mạch máu ở cổ tay. Tấm ảnh mà Mẹ Bề Trên đưa cho bà ấy chiều ngày hôm trước hãy còn để trên ngực.”

PHẠM HỮU BÌNH

(Maryland)